

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HỒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Du học sinh | TÂN PHONG |
| — Tổ chức xã-hội và kinh-tế ở nước Đức — Chính sách nghiệp-đoàn | BỒ ĐỨC DỤC |
| — Sử liệu : Vua Minh Mạng với mấy mốc và khoa học (1820—1840) | NGUYỄN THIỆU LÂN |
| — Danh văn ngoại-quốc : Bằng đẳng luận (Ấu Dương Tu) | P. A. dịch |
| — Bi kịch : Lôi vũ (Nguyên văn của Tào Ngư — tiếp theo) | BẶNG THÁI MAI dịch |
| — Chữ trình của Kiều | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Vòng ngô đồng | NGUYỄN TUÂN |
| — Nghề gốm với hai ông Trần-vân Đức và Ngô trọng Tuyền | ÁI MỸ |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 80 — NGÀY 26 AOUT 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giá nôi : 19.43 — GIA 0.50

GIÁ BÁO : BẠC KỲ TRUNG KỲ NAM KỲ CAO KỲ N LÃO 3 th 2\$00, 6 th 4\$00, 12 th 20\$00

BAO THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 2 Septembre 1944

- | | |
|--|-----------------------|
| — Tư-tưởng và nhân-sinh | PHAN ANH |
| — Một sương lâm giãỵ dùng sức nước ở mạn ngược | TẢO HOÀI |
| — Ảnh hưởng khí-hậu với công việc trí-não | A. A. dịch |
| — Giáo-dục âm-nhạc. | VĂN HÓA |
| — Sử Ta so với sử Tàu | Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TÔ |
| — Danh văn ngoại-quốc : G. K. Chesterton | THÁI MẠC dịch |
| — Vòng ngó đồng | NGUYỄN TUÂN |
| — Trích thuật sách báo. | TRỌNG ĐỨC |
| — Lời vũ (Bi kịch) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |



25 Aout có bán

Hai Bà Trưng

— KHỎI NGHĨA —

— Tác giả: NGUYỄN TẾ MỸ —

— Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng ? Và những nguyên nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà ?

— Tính cách cuộc khởi nghĩa đó là tính cách gì ? Ảnh hưởng của nó trong xã-hội Việt-Nam dưới quyền đô hộ triều Hán ra sao ?

HÀN THUYỀN

71, Tien Tsin, —Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH :

**Văn chương
= và xã-hội =**

của **LUONG ĐỨC THIỆP** Giá 2\$50

nguyên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật
Tính cách dân cấp trong văn-học Việt Nam. Xu
hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại

**ĐĂNG IN : KHÔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO
DUY ANH** nguyên cứu của NGUYỄN UYÊN DIEM

VIẾT VÀ SỐNG bình luận về văn học Việt-nam
của NGUYỄN XUÂN HUY

CÒN MỘT ÍT: MẸ RỜI TIỀN thuyết gia-dinh
của NGUYỄN KHẮC MẮN Giá 3\$80 — **VĂN HỌC
VÀ TRIẾT LUẬN** của bà MỘNG SƠN Giá 2\$50

DAI HỌC THƯ XA

181, Bd Henri d'Orléans, Hanoi

— Giám đốc : LÊ MỘNG CẦU —

DU HỌC SINH

TÂN PHONG

Trước đây mười lăm năm, muốn theo đuổi sự học cho tới bậc cao đẳng chính thức bất kỳ về khoa gì, học-sinh ta cũng phải ra ngoài và nhất là sang Pháp. Danh-từ « du-học-sinh » vì thế đã dùng để chỉ riêng một số ít thanh-niên đã được học đến đầu, đến ngọn, để chỉ riêng lớp cao nhất trong hàng tân trí thức.

Gần đây, một nền học cao-đẳng đã bắt đầu tổ chức tại Đông-dương, khiến cho nhiều sinh-viên, vì hoàn cảnh riêng không đời khỏi được đất nước, cũng có thể theo học đầy đủ được vài khoa, như Luật, Thuốc và Khoa học. Bậc học cao nhờ thế nay không còn dành riêng cho một thiểu số thanh-niên giàu có hay tốt số nữa. Đối với quốc dân, cũng vì thế những du-học-sinh không còn là kỳ vọng đặc nhất như xưa và cũng không còn có cái « thanh thế » ngày trước...

Về phương-diện tinh thần, chiến tranh hiện nay đương bắt buộc ta sống trong một sự « cô lập » khá khan quá đáng.

Rồi đây khi chiến tranh đã kết một công việc quan trọng của ta là phải giải rõ nhiều học sinh ra ngoài. Ta phải cố gắng làm sao cho mỗi người thanh-niên, sau khi đã học hết bậc cao-học xứ ta, đều được đi và sống ở nước ngoài ít ra là vài ba năm.

Sự xuất ngoại ấy là một điều cần-thiết vì nó cho thanh-niên ta một kỷ-niệm về học thuật ở ngoài, và cho họ có dịp để so sánh bước đường họ đã qua và bước đường đi của thanh-niên nước khác. Sự so sánh ấy sẽ làm cho họ cố gắng để bỏ túc-học-vấn của mình và học thuật của đất nước.

Về chỗ này giữa những du-học-sinh và quốc dân cùng gia-đình họ vẫn có một mối hiểu nhầm mà ta cần phải làm cho mất.

Mỗi khi thấy một sinh-viên đi du học dăm bảy năm không về thì gia-đình thường thất vọng và nhiều người quen biết thường chế cười cho là đã mê chơi mà quên cả nhà cả nước.

Thật ra cũng có người ra nước ngoài chỉ ngóng ngóng đợi địa tiền, tháng nhận được tiền nhà gửi cho để vội mang đem tiêu dùng xa phí ngay trong mười hôm đầu, còn lại mười hôm sau thì chỉ mất thì giờ về việc « xoay tiền », vay chỗ nọ đắp chỗ kia, ăn bữa sáng lo bữa chiều, không gien tâm để học hành gì cả; lại có người vì đã kéo dài mãi đợi học sinh làm cho nhà chủ nản thối không gửi tiền nữa, rồi phải đâm chui tìm một công việc làm cho qua ngày giờ và để ăn, không học hành, không lý rang gì nhưng cũng không quả quyết để đủ áo ra về vì sợ về thì làm cho mọi người nhận rõ thấy sự vô dụng của mình...

Phần nhiều đó là những con nhà giàu đã được chiều chuộng nhiều quá hoặc là những người không có người diu dắt nên không đủ nghị lực để chống lại sự quyến rũ của nơi xa-lạ.

Nhưng may thay những người như thế vẫn là số ít, còn phần đông du-học-sinh muốn ở lại nước ngoài chỉ vì họ thật không muốn rời bỏ một hoàn cảnh tiện-lợi cho họ của mình.

Về nước với một mảnh bằng, người thanh niên du-học chắc hẳn là sẽ có một địa vị khá cao. Địa vị ấy đã làm cho mọi người trong gia đình mãn-nguyện; nếu người thanh-niên du-học lại sẵn lòng sốt sắng, tham dự vào mọi công cuộc xã hội thì nhiều người trong quốc dân đã cho là họ làm đầy đủ bổn phận của một thanh niên trí thức.

Nhưng ít người hiểu rằng nhận sống một cuộc đời bằng phẳng như thế, nhiều du-học-sinh đã hy sinh rất nhiều về tinh thần: nhận về nước nhà ngay sau khi học xong ở nhà trường, nhiều người đã bùi ngùi từ giã bao nhiêu những hoài bão to tát về khoa học, về nghệ thuật.

Vì về nước thường thường là bỏ dở hết công cuộc hoạt động về tinh thần. Người muốn khảo cứu về đây không có sách vở, người muốn tìm tòi về đây thiếu phòng thí-nghiệm, thiếu khí cụ, nhà kỹ-sư về đây thiếu cơ hội để dùng cái sở học; ai ai cũng thấy thiếu thầy, thiếu bạn, thiếu một hoàn cảnh hoạt động về tinh thần, thiếu một số công chúng nhỏ hẹp nhưng sáng suốt để hiểu biết và phê-bình công việc của mình.

Đứng về phương diện xã-hội, sự hy sinh ấy làm cho nước ta chịu sự thiệt thòi là chỉ có những « học trò giỏi » mà thiếu mãi những nhà thông thái sâu, xa những nhà sáng tác lỗi lạc về nghệ-thuật. những nhà chuyên môn tháo vát và nhiều kinh nghiệm.

Vậy ta hãy nên khuyến khích du-học-sinh đừng vội về nước nếu sự về sớm lắm mười hay hai mươi năm bất lợi cho sự hoạt động tinh thần của họ. Nước ta cần nhiều người hấp thụ đầy đủ cái học thuật của Thái-Tây, chứ không cần người chỉ có đủ bằng cấp.

Ở xa đất nước lâu không phải là thiếu lòng yêu nước. Ta phải quan niệm sự yêu nước một cách khoáng đạt hơn là sự yêu làng của người nhà quê chỉ biết biểu lộ lòng yêu của mình bằng sự không rời bỏ được lũy tre xanh.

Sau cuộc Âu-chiến, trước để kiến-thiết lại quốc-gia, nhiều nước nhỏ ở Âu-châu đã dùng đến những người đã từng đi du học rồi sinh-cơ lập-nghiệp từ lâu năm ở nước ngoài.

Ta nên mong-rằng ngoài số du-học-sinh bắt buộc phải về nước sau năm bà năm đi vắng rồi đây ta sẽ còn rất nhiều người lưu lại ở ngoài để theo đuổi họ cùng cái chí-hướng của họ.

T. P

BẢNG DANG LUÂN

== AU DƯƠNG TU ==

P. A. dịch

Đời Tống Nhân Tông, năm Bình-tý, (1036) Lữ Di Giản cầm quyền độc đoán, không kể gì lời can gián của trung thần. Trong những người giám can gián vua và chỉ trích Lữ Di Giản có những vị danh thần như Phạm Trọng Yểm, Du Tĩnh, Doãn Thù, Âu Dương Tu v.v....

Mấy phen bị đàn hặc, Lữ Di Giản bèn buộc tội Phạm Trọng Yểm là : « Vượt chức, ngôn sự, ly gián vua tôi, và lập bằng đảng mà hành động ». Vì thế mà bọn Phạm Trọng Yểm và đồng chí đều bị biếm. Đồng thời nhà vua lại sắc chỉ cho bách quan không được họp thành « bằng đảng » và không được « Vượt chức ngôn sự ».

Về sau, nhân có nhật thực, danh thần là Phú Bật tâu rằng « ứng thiên biến không gì bằng thông hạ tình », và cũng nhờ các trung thần khác tâu hặc, nhà vua hối ngộ mà hủy sắc chỉ trên kia đi.

Bài văn sau đây là một bức sớ đàn hặc của Âu Dương Tu dâng lên vua.

Tôi nghe rằng, từ xưa, vẫn có bằng đảng. Duy người làm vua nên biết phân biệt quân tử với tiểu nhân mà thôi. Đại phạm, kẻ quân tử lấy sự đồng đạo, mà làm bằng đảng, còn kẻ tiểu nhân thì lấy sự đồng lợi mà làm, đó là lẽ tự nhiên.

Mà tôi (lại có thể) nói rằng : (thực ra) kẻ tiểu nhân không có bằng đảng, chỉ người quân tử mới có mà thôi. Tại làm sao vậy ? Cái mà kẻ tiểu nhân ưa thích, ham muốn là lợi lộc, họa tài. Hễ còn cùng có lợi với nhau, thì tạm cùng nhau làm bằng đảng nhưng chỉ là bằng đảng giả đến khi có lợi thì tranh nhau, hoặc đã hết lợi rồi thì bỏ nhau, thậm chí phản lẫn nhau đầu là anh em thân thích cũng không kiêng nể. Vậy cho nên tôi nói rằng kẻ tiểu nhân không có đảng, chỉ tạm thời có một đảng giả mà thôi. Quân tử thì không thế, ở thủ của họ là đạo nghĩa sở hành

của họ là trung tín, sở thương của họ là danh tiết ; lấy đó mà tu thân thì cùng một đạo mà ích lợi cho nhau ; lấy đó mà thờ nước thì cùng một lòng mà giúp đỡ lẫn nhau, thủy chung như nhất đó là đảng của người quân tử. Cho nên kẻ làm vua nếu biết trừ những đảng giả của tiểu nhân mà dùng những đảng thật của quân tử thì thiên hạ sẽ được thịnh trị.

Đời vua Nghiêu, có bốn tiểu nhân Cung Công Hoan Đâu làm một đảng bốn người ; có bốn quân tử Bát Nguyên, Bát Khải làm một đảng là mười sáu người. Ông Thuấn giúp vua Nghiêu trừ đảng tiểu nhân Tề Hung và tiền đảng quân tử Nguyễn Khải, nhờ đó mà thiên hạ trị. Đến khi Thuấn lên ngôi thì có bốn Cao Giao Tắc Khiết hai mươi hai người cùng ở trong triều, kính phục nhau, nương dựa nhau, lập thành một đảng. Vua Thuấn dùng họ mà thiên hạ nhờ đó cũng được thịnh trị.

Kinh Thư có nói : Trụ có ực, vạn bầy tôi, mà mỗi người một bụng, Châu có ba nghìn bầy tôi mà cùng một lòng. ực vạn người của Trụ khác bụng nhau cho nên không thành đảng mà vì đó Trụ mất nước ; b. nghìn người của Châu Vũ Vương làm một đảng lớn, vì đó mà nhà Châu nổi cơ đồ.

Đời vua Hiến Đế nhà Hậu Hán, bắt hết danh sĩ trong thiên hạ, lay cơ là họ họp thành đảng. Đến khi giặc Hoàng-Cán nổi lên, nhà Hán đại loạn, rồi mới hối ngộ, tha tất cả đảng nhân danh sĩ, nhưng đã muộn quá rồi.

Cuối đời Đường, Chiên hạ xôn xao vấn đề
lăng đồng, vua Chiêu Tông đem giết hết
danh sĩ ở Triều, hoặc đem vứt xuống sông
Hoàng Hà mà bảo rằng : bọn này tự chiếm
là « thanh lưu », vậy vứt chúng nó xuống
« tiệt lưu ». Vì thế mà nhà Đường mất.

Ôi ! Đế Vương đời trước, ly tán nhân
tâm, để cho người đứng hợp thành lăng
đồng còn ai bằng Trụ ; tuyệt cầm người
hay không được lập đảng, còn ai bằng Hán
Hiền Đế ; giết lăng đảng kẻ thanh lưu, còn
ai bằng Đường Chiêu Tông, thế mà họ để
mất nước ?

Còn như kinh mẫn lẫn nhau, nương dựa
vào nhau, không nghi kỵ nhau, còn ai bằng
bọn 22 người Bầy tôi của vua Thuần ? Vua
Thuần cũng không nghi họ, lại dùng họ. Mà
họ thế không những không chê Thuần là
bị đảng 22 người lung lạc, mà lại cứ khen

vua Thuần là một bậc chúa Thông Minh. Ấy
cũng là vì biết xét quân tử và tiểu nhân vậy.

Đời Cấn, vũ, ba ngôi người trong toàn
nước thành một đảng, xưa nay không bao
giờ có một đảng nhiều và mạnh như vậy,
ấy thế mà nhà Chu dùng thì nước hưng
thịnh ; tuy nhiều thế, nhưng nếu hơn nữa
lại càng hay.

Những vết trị loạn hưng vong đời xưa
còn đó ! Các bậc vua nên coi đó mà noi theo.

P. A. dịch

O-TÔ NHÀ LẦU

CÁI MỘNG ĐÓ

SẼ THÀNH SỰ THỰC

NẾU CÁC NGÀI MUA VẼ SỐ ĐÔNG PHÁP (1\$)

NHÀ SÁCH LỬA HỒNG — NHÀ SÁCH LỬA HỒNG

ĐÃ PHÁT HÀNH

DÒNG VỌNG

IV

— Tập bài hát lịch sử và thanh
niên của Hoàng Quý, Lưu hữu
Phước, Nguyễn thành Nguyên
Mai văn Độ, Văn Cao :
Giấy thượng hạng **Giá 1\$00**

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

— Ba cuộc hội chuyện của Đặng
ngọc Tôt, Dương đức Huân,
Nguyễn đình Thì trong Tong
hội Sinh Viên. **Giá 1\$20**

BÓN MUA

- EÓN MUA

BỔNG VỌNG I, II, III

(tên lần thứ hai)

NGUYỄN HỮU BÌNH — 92, Sinh-tử, — Hanoi

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

— 214, Hàng Đông, Hanoi —

SÁCH MỚI

HOANG DAO THUY

NGHE THẦY

Nghệ thuật làm thầy, làm cha mẹ, làm huynh
trưởng. Kim chỉ Nam của tất cả những bậc phụ
huynh lo lắng vì việc giáo dục thiếu niên.

190 trang — Giá 2\$00

CÒN ÍT ÍT

VANG BÓNG MỘT THỜI

(NGUYỄN TUÂN) **5\$00**

NGÂM NGÀI TÌM TRẦM

(THANH TỊNH) **2\$00**

ĐANG IN

HƠI GIÓ TÀN (NGUYỄN HỒNG)

TRƯỜNG CA (XUÂN DIỆU)

LỖ TẮN (ĐẶNG THÁI MAI)

Tổ chức xã-hội và kinh tế

ở NƯỚC ĐỨC^(a)

CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

DO ĐỨC DỤC

(Tiếp theo)

PHAN THƯ HAI

Tổ chức xã-hội ở Đức

Ngay từ buổi đầu Chính-phủ quốc-xã đã lo thiết lập những chế độ xã hội để thay cho những tổ chức của thợ và chủ rất mạnh sẵn có từ trước.

Cái quan niệm chung cho những chế độ mới, xã-hội cũng như kinh-tế, và để thay quan-niệm xưa của những công-đoàn là: « Người thợ quốc-xã phải biết rằng điều-kiện của hạnh-phúc riêng là ở sự phát triển sự hoạt-động kinh-tế quốc-gia. Về phần người chủ quốc-xã, họ phải hiểu rằng hạnh-phúc và sự thoả thuận của người làm công và thợ thuyền là điều-kiện cho sự tồn-tại và khuếch-trương uy quyền kinh-tế của chính họ ». Nhưng, dù chủ, dù thợ hay người làm công, « đứng trước đoàn-thể, họ cũng chỉ có chức-vụ là những viên quản-lý ». Như vậy thì nhà máy, công-sở, nói tóm lại cả nền kinh-tế, « vượt quá cái quan-niệm trung-lưu về tư-sản, mà thuộc quyền sở-hữu của toàn-thể dân-chúng và phải phụng-sự cái toàn-thể đó ».

Đề tới trình-độ ấy người ta phải lo giáo-dục thợ và chủ theo tinh thần quốc-xã, làm cho họ lĩnh-hội được phần trách-nhiệm của họ. Trong buổi trung-gian, lúc mà mọi người còn tiếm-nhiệm những tư-tưởng về công-đoàn mác-xít, và chưa nhận-thức được những nghĩa-vụ xã-hội của họ, sự can-thiệp của Chính-phủ rất cần, chính-sách chuyên-đoán phải được áp-dụng.

Những nguyên-tắc trên đây chi-phối sự tổ-chức toàn-thể nền lao-động quốc gia cũng như

trong một công-sởng tiêu-tổ (cellule entreprise) và bên trên là những cơ-quan kiểm-soát của chính-phủ hay của Chính-đảng.

A — Tổ chức toàn thể nền lao động quốc gia

Đề kết liễu sự tranh đấu giai cấp và cũng để che chở người làm ăn, Chính-phủ quốc-xã thiết lập, vào khoảng giữa năm 1933, một cơ quan bao gồm tất cả thợ thuyền và chủ nhân trong nước, đó là *Chiến-tuyến Lao động Đức* (Deutsche Arbeitsfront — D. A. F.) do Bác sĩ Robert Ley chỉ-huy. Bao nhiêu công-đoàn sẵn có của công-chức, thợ thuyền, chủ nhân, đều lần lượt sáp-nhập vào cơ quan đó. Nhưng rồi một đạo-luật chung-cục, ban hành ngày 24 Octobre, 1934 bắt buộc các công-đoàn phải giải-tán và tất cả mọi người đều chỉ được lấy danh nghĩa cá nhân gia nhập vào Chiến-tuyến lao động, ngay cả chủ nhân cũng không được coi là đại-biểu cho kinh-dinh của họ, nghĩa là chủ và thợ bắt loạt ngang hàng với nhau, như vậy mới đúng với tinh thần của chính-sách nghiệp-đoàn.

Ở chỗ này chính-sách quốc-xã có khác chính-sách phát-xít; ở Ý tổ-chức nghiệp-đoàn dựa vào những công-đoàn sẵn có, còn ở Đức người ta giải-tán công-đoàn để thu-gồm vào Chiến-tuyến lao động, rồi tự đó người ta xây dựng chính-sách nghiệp-đoàn.

Chiến-tuyến Lao-động tổ-chức vừa theo nền tảng nghệ-nghiệp vừa theo nền tảng địa-dư. Theo

(Xem tiếp trang 19)

(a) Xem Thanh-Nghị-hành số 45, 46, 47, 49 và 78.

LÔI VŨ

BI KỊCH CỦA TAO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Trong số 5 Act « Lôi Vũ » về chủ đề « Nhân vật » sơ
mất : Thị-Bình : Vợ Lỗ Quý, 47 tuổi Lỗ đại Hải :
Con chồng trước của Thị-Bình, 27 tuổi Phượng :
Con Lỗ Quý và Thị-Bình, 18 tuổi. Lớn công ở nhà
Chú Phúc Viên, và nhiều người thày tớ khác của
nhà Chú Phúc Viên.

MÀN THỨ NHẤT. (tiếp theo)

Phượng — Kia hôm nay bà lại xuống dưới
này? Con đang tích đưa thuốc lên gác đây.

Phồn y — Có ông ở trong bàn giấy không?

Phượng — Có đấy ạ : ông con có khách.

Phồn y — Ai trông ấy?

Phượng — Ông chủ phòng kiến trúc vừa ra.
Không biết lại có ông nào mới tới nữa ấy.
Bà có định vào không ạ?

Phồn y — Không đâu. Thấy con u già vừa bảo
ông đã bán nhà này cho nhà chung để người
ta làm nhà thương, phải không?

Phượng — Vâng, ông con đã bảo xếp hết
đồ lặt vặt. Còn bao nhiêu đồ quý đã dọn đến
đằng nhà mới cả rồi.

Phồn y — Ai bảo phải dọn nhà?

Phượng — Ông con đấy ạ. Ông vừa về là
dục phải dọn hồi bà.

Phồn y — Thế sao không nói cho ta biết?

Phượng — Ông con bảo bí mật. Sợ bà lại
đau thêm.

Phồn y — (Nhìn quanh) Hai tuần nay mình
không xuống dưới này. Nhà cửa hôm nay đã là
lũng chưa?

Phượng — Thưa bà ông con bảo là bây

nghư mọi hôm không trông được, rồi ông lại
cho chuyên bao nhiêu đồ bà vừa mới sắm
lại đằng kia! Đây là ông truyền cho sắp thế
này đây.

Phồn y — (Nhìn về phía tủ đồ) Kia! cái tủ
ông ấy vẫn, thích độ nọ, bây giờ lại đưa lại
đấy rồi (thở dài). Người đầu mà cố chấp đến
thế! Thích chi gì là nhất định làm cho được!
(ho, ngồi xuống có vẻ mệt);

Phượng — Thưa bà, bà còn sốt, má đỏ
hắn lên, xin bà lên gác nghỉ tí hơn.

Phồn y — Không! Trên ấy nóng quá!

Phượng — Ông con nói bà bệnh khá nặng
và dặn chúng con mời bác nghỉ trên gác, đừng
xuống dưới này.

Phồn y — Nằm dài cả ngày trên giường, bảo
ai chịu được? Ở tao quên hẳn: ông ở mỗ về
hôm nào đấy nhỉ?

Phượng — Chiều hôm qua đấy ạ. Lúc ông
con về, thấy bà sốt nặng, ông con bảo do bà
nghỉ. Rồi ông con xuống nhà dưới ngủ.

Phồn y — Từ sáng đến giờ, tao chả thấy ông
đâu cả.

Phượng — Vâng, hai hôm nay ông luôn luôn
bận việc, phải tiếp các bác cai trên mỗ. Mãi
đến tối, ông mới lên gác được một tí. Nhưng
bà đã đóng cửa đi nghỉ rồi.

Phồn y — Thế à? .. Sao mà dưới này cũng
bức thế này?

Phượng — Vâng, hôm nay bức quá kia! Từ
sáng đến giờ, mây đen ngất cả trời, không khéo
hôm nay lại giông.

Phồn y — Máy tìm cho tao một chiếc quạt
cho tao một tí. Nực quá, in tường thử không
rà hơi nữa.

Phượng đưa một chiếc quạt khác lại

Phồn y — Sao hai hôm nay tao lại không
thấy anh Cả ấy nhỉ.

Phượng — Có lẽ anh Cả con cũng bận.

Phồn y — Hình như anh ấy cũng định là

mở phải ki ông ?

Phượng — Con không được biết má.

Phồn y — Má y r lo rai gì không ?

Phượng — Có chỉ hấy hai hôm nay má anh bồi hau đau con luôn luôn sắp xếp áo quần cho cậu con.

Phồn y — Thế cha má làm gì ?

Phượng — Hừ! như đương đi mua gạch đan cho ông con ấy. Cha con có bảo con thưa cùng bà cho rằng: gha con mong bà chóng khỏi.

Phồn y — Cha má thế mà còn nhớ hỏi thăm (ngồi nghĩ một lúc) Anh ấy bây giờ đã ngủ dậy chưa ?

Phượng — Ai kia a ?

Phồn y — A! Ann Gá ấy mà!

Phượng — Con không biết má.

Phồn y — Thế à!

Phượng — Cả buổi sáng, con không hề thấy anh ấy.

Phồn y — Tối hôm qua, đến lúc nào anh ấy mới về ấy nhỉ ?

Phượng — (đỏ mặt) Thưa bà tởi hôm nào con cũng về nhà cha con, con có biết đâu.

Phồn y — Ủ nhỉ. Hôm nào má cũng về nhà ngủ cả kia mà!... Thế ông ở mả về, chẳng có ai hầu, sao hôm nào má cũng về nhà cả.

Phượng — Thưa bà chẳng là bà vẫn bảo con tới lại cho về nhà kia mà.

Phồn y — Ấy là những hôm ông vắng kia chứ.

Phượng — Vả lại con không thấy ông con ăn chay, niệm phật cho nên con chắc rằng ông không thích chúng con ở lại hầu. Các u ấy vẫn bảo ông con không thích đàn bà.

Phồn y — A! biết đâu đấy!... À thế thì vài hôm nữa anh ấy sẽ đi,... đi đến đâu kia nhỉ ?

Phượng — Bà bảo anh cả ấy phải không a ?

Phồn y — Ủ má!

Phượng — Con không được biết. Sáng hôm

nay, nghe cha con nói mang máng đầu rang tối hôm qua hai ba giờ sáng gì anh con mới về, và chỉ h cha con mở cửa cho anh vào.

Phồn y — Anh ấy lại cũng vẫn say ư ?

Phượng — Con không được biết. Thưa bà, để bà xoi thuốc.

Phồn y — Ai bảo tao phải uống thuốc ?

Phượng — Ông con bảo đấy a.

Phồn y — Tao mời đố tờ đầu!... Thuốc đầu thế này ?

Phượng — Ông con bảo bà đau gan; sáng hôm nay, ông con nhớ lại cái phái thuốc bà uống ngày xưa và sai người đi căn về. Ông dặn: lúc nào bà dậy sẽ sắc rồi đưa lên.

Phồn y — Thế mảy sắc được chưa ?

Phượng — Được rồi, đấy a. Con chờ có nửa giờ; bây giờ thuốc đã nguội (Đưa chén thuốc lại). Xin mời bà uống đi.

Phồn y — (Uống một ngụm) Đàng chết của người ta đi được! Ai sắc thế này ?

Phượng — Con sắc đấy mà.

Phồn y — Không tài nào uống được! Mảy đồ đi cho tao thôi.

Phượng — Đồ đi ?

Phồn y — Ủ đồ uống đi thôi! Nhưng... khoan đã. Hãy để đó vậy. (Nghĩ ngợi) Thôi mảy cứ đồ quách đi!

Phượng — (Ngần ngại) Thưa bà...

Phồn y — Cái thang thuốc đàng chết người đi thế này. uống đã mấy năm giờ, thôi thì nó đã thôi rồi chứ.

Phượng — (Lại bưng chén thuốc lên) Thưa bà, bà chịu khó một tí vậy, thuốc đàng cũng là thuốc hay.

Phồn y — Ai khiến mảy nào? Đồ đi cho tao... Nghe nói lần này ông về gây di nhiều, con u giả bảo thế, có phải không ?

Phượng — Vâng ông gây và đến hẳn đi. Thấy nói thợ trên mộ đình công, ông có vẻ lo

Phồn y — Ông bức mình lắm à ?

Phượng — Con thì con thấy ông vẫn thế. Lúc nào không tiếp khách là ông ngồi im phăng phắc, hay ông tụng kinh, chẳng nghe ông nói gì hết.

Phồn y — Ông chẳng chuyên trò gì với các anh. ày à ?

Phượng — Thỉnh-thoảng thấy anh cả, ông con chỉ gật đầu, không nói gì. Nhưng gặp anh hai, thì vẫn hỏi ở trường học hành thế nào... à ! Mà sáng ngày nay anh hai con có lên gác hầu thăm bà đấy.

Phồn y — Hôm nay-tao không muốn chuyện trò cùng ai. Mày cứ bảo nó rằng tao đã đỡ nhiều... à và nhớ bảo thầy ký kế toán lấy bốn mươi đồng đưa cho nó : nó cần tiền mua sách.

Phượng — Nhưng anh ấy lại muốn gặp bà cho được kia.

Phồn y — Thế thì bảo nó lên gác vậy. (Đứng dậy bước đi mấy bước) Chao ! Cái phòng này cứ luôn luôn oi bức thế này, đồ lễ in tường mốc hết. Ắn, ở trong này chả khác gì ở trong địa ngục nữa những mùi ma !

Phượng — Thưa bà : hôm nay con định xin phép bà ở nhà một hôm.

Phồn y — Thế để mày ở Tế-nam lên rồi đấy. à ? Ừ nhỉ, cha mày vừa nói cho tao biết (Tiếng Chu-Xung lại gọi từ ngoài vườn hoa vào : **Phượng ! Phượng !**).

Phồn y — Mày ra xem anh hai gọi gì. (Chu Xung vẫn gọi **Phượng !**)

Phượng — Ở trong này kia. (Xung đi vào)

Xung — (Chưa nhìn thấy **Phồn y**) **Phượng** ơi ! Tôi tìm **Phượng** cả sáng hôm nay (thấy **Phồn y** **Mợ !** mợ xuống gác làm gì ?

Phồn y — Sao mặt con đỏ ửng lên thế hở Xung.

Xung — Con vừa mới quần vợt với một thằng bạn con. Mà mợ à, con chỉ muốn thưa, với mợ nhiều chuyện lắm kia, mợ có bớt không ?

(ngồi xuống một bên **Phồn y**). Hai hôm nay con luôn lên lầu thăm mợ, sao mợ cứ khóa kín cửa làm vậy ?

Phồn-y — Mợ cần cho im vắng. Con xem mợ hôm nay khi sắc thế nào ? à ! **Phượng** đi lấy cho anh hai một chai nước chanh đây. Mày con đổ hồng hân lên...

(**Phượng** đi ra)

Xung — (vui vẻ) Cảm ơn mợ. Mợ để con nhìn mợ một tí đã. Con thấy mợ khác nhiều. Có bệnh gì đâu, sao người ta cứ bảo mợ đau, và mợ cũng nằm cả ngày trên phòng ? Bà về nhà ba ngày nay, mợ cũng chưa hề gặp.

Phồn y — (có vẻ u uất) mợ nghe uất ức trong lòng lắm cơ !

Xung — Đứng, mợ à, đừng làm thế. Đối với mợ nhiều lúc ba thế nào ấy ; nhưng ba già rồi. Và con thì chỉ nhờ vào mợ, con muốn sẽ lấy được một người vợ rất tốt, rồi mợ ở với chúng con một nhà, và thế nào chúng con cũng hết sức làm cho mợ vui lòng luôn luôn.

Phồn y — (cười mỉm) Vui lòng kia à ? Nay Xung, năm nay con mười bảy rồi đấy nhỉ ?

Xung — (vui vẻ, giọng nũng nịu). Đấy kìa ! mợ thấy không ? mợ quên cả tuổi con, con giận ngay bây giờ cho mà xem !

Phồn y — Mợ con hư lắm nhỉ ! Nhưng có lúc mợ quên, quên bẵng không biết mình ở chỗ nào nữa kia, con à. Ừ, mà con mợ năm nay mười tám rồi kia à ? Thế con xem ăn ở trong cái phòng này bấy nhiêu lâu mợ có già đi nhiều không ?

Xung — Không đâu, mợ, nghĩ những gì gì thế !

Phồn y — Nào mợ có nghĩ gì đâu !

Xung — à mợ, mợ biết chưa ? Chúng mình sắp dọn nhà đấy. Sắp đến ở nhà mới. Hôm qua ba bảo ngày mai là chúng ta dọn nhà.

Phồn-y — Con có biết vì sao ba lại dọn nhà không ?

Xung — Mẹ tính ba là n cái gì có hề bao giờ cho chúng mình biết trước? Nhưng con thì con nghĩ rằng chẳng là ba già rồi. Vả lại mấy lần này ba vẫn nói không muốn làm mỗ nữa mà cái nhà này xem chừng cũng chẳng may mắn cho lắm — Nay mẹ cái nhà này có ma kia đấy. Độ tháng b'ý, tháng tám năm trước ấy mà có một hôm hình như con cũng nghe thấy đấy.

Phồn y — Thôi con đừng nhắc lại chuyện ấy nữa!

Xung — Thế mẹ cũng tin là có, hở mẹ?

Phồn y — Mẹ có tin đâu! Nhưng cái phòng này cũng lạ, chẳng biết vì sao, mà mẹ chỉ thích ở đây. Có đôi lúc mẹ cảm thấy hình như có thần linh gì níu mẹ lại không cho mẹ bỏ đi chỗ khác!

Xung — (giọng vui vẻ) Mẹ ạ.

(Phượng đưa nước chanh vào)

Phượng — Nay, anh hai...

Xung — (đứng dậy) cảm ơn Phượng quá.

Phượng đổ mật, rót nước chanh)

Xung — Phượng lấy một cái cốc nữa cho bà đi, Phượng nhé.

(Phượng đi ra)

Phồn y — Sao con lại khách sáo như thế?

Xung — (Uống nước chanh) mẹ ạ, con định thưa với mẹ một chuyện. Số là... (Phượng đi vào)... Thôi rồi đây con hằng nói. Bây giờ mẹ về cho con một bức vẽ lên cái quạt này nhé?

Phồn y — Mẹ đang đau, mệt lắm, con quên rồi ư?

Xung — Ờ nhỉ! mẹ tha lỗi cho con vậy. Con, Sao mà, phòng này hôm nay oi thế này.

Phồn y — Chẳng là bao nhiêu cửa đều đóng kín lại cả.

Xung — Đề con đi mở ra vậy.

Phượng — Ông đã dặn đừng mở ra, và ông bảo ngoài kia lại nóng hơn nữa.

Phồn y — Không hề gì. Mày cứ đi mở ra! Ông thì ông đi chỗ nào chỗ kia, hàng năm không về nhà, ông biết đâu không khi nhà này nặng chát ỉg rồi đi được.

(Phượng cố sức mở cửa)

Xung — Thôi, Phượng để đấy mặc trí.

Phượng — Anh Hai để vậy: một mình tôi làm cũng xong mà.

Xung — Không! Đề tôi giúp Phượng (hai người cùng nhau đỡ cái chậu hoa nơi cửa sổ xuống; lúc đặt xuống đất, cái đáy chậu dẫn vào tay Phượng, Phượng sùi sụt một tiếng rất nhẹ) Sao thế, Phượng? (cầm lấy tay Phượng)

Phượng — (lật lật rút tay) Không chả có gì, anh để mặc tôi.

Xung — Được mà. Đề tôi đi lấy thuốc mỡ cho Phượng nhé!

Phồn y — Chả cần đâu, con ạ (quay về phía Phượng): Phượng, mày xuống dưới bếp xem túi chúng nó dưới bếp đã làm xong cơm cho ông dùng chưa?

(Phượng đi ra, Xung nhìn theo)

Phồn y — Bây giờ con ngồi xuống nói cho mẹ nghe.

Xung — (vui vẻ) Mẹ ạ, hai hôm nay con sung sướng lắm kia.

Phồn y — Ở trong cái phòg này mà con thấy sung sướng thì còn gì h ý hơn nữa.

Xung — Mẹ ạ, con chẳng có gì là đặc biệt. Mẹ không phải là bà mẹ tâm thương: mẹ có căn đảm, mẹ nhiều tưởng tượng và bao giờ mẹ cũng hiểu lòng con cả.

Phồn y — Thế thì mẹ sung sướng lắm.

Xung — Mẹ ạ, con muốn thưa với mẹ một việc... Không phải! con muốn bàn với mẹ một việc...

Phồn y — Con nói ngay đi cho mẹ nghe.

Xung — (Có vẻ bí mật) Mẹ, hay là mẹ nói hộ con đi.

Phồn y — Mẹ nói thế nào, con nói đi, nói đi, mẹ nghe chứ.

Xung — Mẹ à... không... không... không... con chẳng nói.

Phồn y — (cười) Sao con lại không nói ?

Xung — Con,... con sợ mẹ mắng... con nói mẹ nghe, rồi mẹ cũng vẫn vui như thế này nữa không ?

Phồn y — Con mẹ ngoan ! Bao giờ mẹ chẳng vui với con ?

Xung — (cười) mẹ con tốt quá ! Thiết chứ, mẹ vẫn yêu con nhé, mẹ đừng mắng con nhé.

Phồn y — Ừ mà ! Thiết hẳn chứ ! Con cứ nói.

Xung — Nhưng con nói rồi mẹ cũng không được cười con kia !

Phồn y — Ừ mẹ không cười đâu.

Xung — Thực nhé !

Phồn y — Thực hẳn chứ !

Xung — Mẹ à, con yêu một người con gái...

Phồn y — (ra vẻ sợ) Thế nào ?...

Xung — (nhìn vào mắt Phồn y) Kia ! xem sắc mặt mẹ con thấy dường mẹ có ý bảo con không nên làm thế đấy.

Phồn y — Không đâu mà. Chẳng qua câu chuyện của con làm cho mẹ sợ nhớ lại... Nhưng thôi, con cứ nói đi, người ấy là ai ?

Xung — Người ấy là một người rất là... (nhìn Phồn y) Không mẹ lại cười con giờ đấy... Nhưng, sự thật thì chưa hề con yêu một người nào như người ấy. Một người con gái rất đơn giản, hiểu rõ ràng thế nào là hạnh phúc sự sống, một người con gái rất nhiều thiện cảm, một người con gái hiền hậu ý nghĩa hai chữ lao động... Hơn nữa : cô ta không phải là một người sinh trưởng, đào luyện ở trong đám tiêu thụ...

Phồn y — Nhưng con thì con yêu người có học kia mà. Thế người ấy học hành thế nào ?

Xung — Lễ tự nhiên nó chưa hề đi học. Ấy là chỗ khuyết điểm của người ta nhưng con thì con cũng không trách.

Phồn y — À ! con nói đó là con Phụng hẳn thôi.

Xung — Vâng ! mẹ à con biết người ngoài thì thế nào họ cũng cười con nhưng mẹ thì không lẽ không đồng ý cùng con.

Phồn y — (như nói một mình) làm sao mà con mình cũng...

Xung — Mẹ không bằng lòng hở mẹ ? Mẹ cho là con tầm bậy chẳng ?

Phồn y — Không ! không phải thế, chẳng qua mẹ sợ rằng một người đàn bà như con bé ấy khó lòng mà làm cho con sung sướng.

Xung — Không phải đâu ! Phụng nó thông minh, nhiều cảm tình, lại hiền được con nữa.

Phồn y — Thế ba không bằng lòng thì thế nào ?

Xung — Việc ấy mặc con.

Phồn y — Nhưng người ngoài biết, người ta cười chết.

Xung — Cái ấy con chẳng cần.

Phồn y — Thế thì con cũng giống mẹ. Nhưng mẹ chỉ sợ con không nghĩ đến nơi đến chốn, trước hết đầu thế nào con Phụng cũng chỉ là một con ỏ, nó chưa hề được chút giáo dục nào. Kề ra con yêu nó, thì cũng phúc nhà nó rồi đấy.

Xung — Mẹ, mẹ đừng nghĩ rằng Phụng nó bằng lòng ngay đâu.

Phồn y — Mẹ thấy đối với người nào con cũng quá trọng người ta.

Xung — Nhưng câu nói của mẹ nói về Phụng thì không đúng. Phụng là một người hết sức thanh khiết, hết sức vững vàng. Hôm qua con đã nghĩ ý muốn «cầu hôn».

Phồn y — Thế nào ? Cầu hôn, là thế nào ? (Bật cười) May đã định xin cưới rồi kia à.

Xung — (trịnh trọng) mẹ đừng cười ! Phụng

nó đã cự tuyệt câu chuyện ấy rồi. Nhưng con thì con vẫn thích, vẫn vui lòng. Càng như thế, Phượng đối với con lại càng cao quý: nó bảo nó không ưng lấy con.

Phồn-y — Chao! Cự tuyệt kia à. (Bật cười) Nó cự tuyệt mày nữa kia à? Ừ mợ hiểu rồi.

Xung — Mợ đừng nghĩ rằng Phượng nó làm bộ với con. Không phải đâu! Nó đã yêu một người khác rồi.

Phồn-y — Nó có bảo con là nó yêu ai không?

Xung — Con không hỏi. Thì cũng người láng giềng hàng ngày nó vẫn quen biết đấy chứ ai! Nhưng xưa nay những mối ái tình chân chính bao giờ cũng làm lúc trắc trở. Con yêu Phượng, rồi đây Phượng sẽ hiểu con; cũng sẽ yêu con.

Phồn-y — Nhưng con mợ đâu muốn lấy nó cũng không lấy được kia.

Xung — Sao mợ lại ghét Phượng thế hở mợ? Phượng nó tốt lắm. Không những trước mặt mợ mà thôi, những lúc mợ vắng cũng vậy, bao giờ nó cũng cảm phục mợ, kính trọng mợ lắm kia.

Phồn-y — Thế hiện giờ con định thế nào?

Xung — Con định thưa với ba bấy nhiêu ý nghĩ của con.

Phồn-y — Con quên không nhớ ba là người thế nào ư?

Xung — Con biết lắm chứ! Nhưng con nhất định thưa lại cùng ba — Rồi đây, đâu con không kết duyên được với Phượng đi nữa con cũng chẳng cần کیا mà. Nếu như Phượng không ưng con, con cũng sẽ yêu quý Phượng. Nhưng hiện giờ đây, con chỉ ước ao sao Phượng được đi học và con sẽ xin với ba đem số tiền học phí của ba cho con, chia ra một nửa, chờ Phượng đi học.

Phồn-y — Thằng này đến trẻ con!

Xung — Con không trẻ con, mợ ạ, con không trẻ con đâu!

Phồn-y — Rồi mày xem ba mày chỉ nói một câu là bấy nhiêu mợ mọng sẽ tan tành!

Xung — Con chắc là không Nhưng thôi mợ ạ, chúng ta nói chuyện khác vậy. Hôm qua ấy mà,

con thấy anh Bình bảo con rằng: anh sẽ làm việc, ngày mai anh ấy đi. Anh ấy nói rằng bận quá và anh nhờ con thưa lại với mợ rằng anh ấy không thể lên hầu mợ được xin mợ đừng giận.

Phồn-y — Giận thế nào? Sao lại giận.

Xung — Nhưng con vẫn thấy rằng độ này mợ đối với anh ấy thế nào ư! Mợ ạ, anh ấy từ lúc bé không có mẹ thành ra tính khí có nhiều lúc khó chịu. Nhưng con vẫn chắc rằng mẹ anh ấy xưa kia cũng là một người đàn bà giàu tính cảm, cho nên anh ấy cũng nhiều lòng tốt lắm đấy mợ ạ.

Phồn-y — Hôm nay ba con về rồi đấy. Mày đừng có nhắc đến chuyện mẹ anh Bình. Không khéo ba mày lại đồ bần lên, cả nhà không ai ăn ngồi được đâu.

Xung — Nhưng mợ ạ, anh ấy lâu nay thế nào ấy! Con thấy anh ấy cứ rượu chè be bét, đồng một tí là gắt diên lên. Thỉnh thoảng lại thấy rả vào đảng nhà thờ người Âu ấy, không biết anh ấy làm gì?

Phồn-y — Thế rồi thế nào nữa?

Xung — Hôm kia đây anh ấy uống say túy lúy. Anh ấy cầm lấy tay con, khẽ lễ cùng con, anh ấy bảo anh ấy tức bực về anh ấy, và nói những câu con chả hiểu thế nào cả.

Phồn-y — Thế à?

Xung — Sau đó anh ấy bảo con rằng: Độ trước anh ấy yêu một người mà anh ấy không có phép yêu.

Phồn-y — (nói một mình) Độ trước?

Xung — Anh ấy nói rồi lại khóc nức nở và lập tức anh ấy đuổi con ra khỏi phòng.

Phồn-y — Thế nó còn nói gì nữa không?

Xung — Không. Anh ấy buồn quá đi mất! Con thấy mà thương hại. Vì sao anh ấy không lấy vợ đi mợ nhỉ?

Phồn-y — Ai biết đâu đấy?

Xung — (Nghe có tiếng giày đi vào, ngó nhin cõ lại nhin)

A kia! Anh vào đây rồi.

(Còn nữa)

Khi tái ngộ Kim Trọng, Kiều nhất định không ưng nối lại duyên xưa lấy Kim làm chồng. Nàng tự xét mình đã « qua bướm lại », tự thẹn không muốn làm vợ một người xưa kia nàng đã yêu và tới này nàng vẫn yêu và kính. Kim thuyết lý về đạo trinh của đàn bà đề bênh vực cho giá của Kiều, nhưng Kiều nhất định cự tuyệt:

Chữ trinh còn một chút này,

Chẳng cầm cho vững, lại rầy cho tan!

Thế ra sau mười lăm năm sống giang hồ lưu lạc, ra vào lầu xanh, đổi thay làm vợ mấy người, mà Kiều vẫn còn giữ được trinh, dù chỉ một chút thôi? Lời đó không khỏi làm ngạc nhiên một vài người và khiến có nhà đạo đức nguyên rủa cái giá trá của Kiều.

Nhưng người ta ngạc nhiên hoặc người ta chê trách Kiều chỉ tại bởi người ta hiểu chữ trinh mà Kiều đã nói theo một nghĩa thông thường eo hẹp. Trinh đối với người đàn bà có một nghĩa thuộc về xác thịt và một nghĩa thuộc về tinh thần. Nghĩa liên can đến xác thịt đã tự nó rõ rệt. Về phương diện tinh thần thì trinh tức là tâm hồn còn trong sạch mới mẻ, chưa đắm thắm với ai trước khi đắm thắm với một người.

Say ra một nghĩa rộng nữa, người đàn bà có chồng mà thủy chung với chồng, không trao thân thể hoặc tâm hồn cho một kẻ thứ hai thì cũng gọi là trinh. Căn cứ vào những nghĩa ấy thì người ta thấy rằng sau 15 năm lưu lạc Kiều chẳng còn giữ được chút « trinh » nào, dù là trinh xác thịt hay là trinh tinh thần.

Nhưng nếu trong truyện « Kiều », chữ trinh có khi có nghĩa khác thông thường, thì chưa chắc Kiều đã nói một lời phi lý hoặc giả dối. Vậy nên ta cần định rõ nghĩa những chữ trinh dùng trong tác phẩm của Nguyễn Du.

1) Sau khi mặc lạt Sở Khanh, bị Tú Bà đánh tàn nhẫn, Kiều cực khổ quá phải van xin cầu khẩn mẹ Tú và đoán rằng: « *Tấm lòng trinh bạch từ nay xin chừa* ». Đối với Kiều năng trinh bạch ở đây là gì? Kiều đã thất thân với Mã giám Sinh, đã bán mình cho hắn rồi. Dù nàng không yêu chàng họ Mã, và dù giữa Mã và nàng chỉ có một sự mua bán đê tiện

CHỮ TRINH CỦA KIỀU

DINH GIA TRINH

nhưng rằng cũng tự coi như vợ của Mã. Nàng chỉ thất thân với hắn thôi, chứ không chịu làm cái nghề gái lầu xanh như trước. Lòng « trinh bạch » ấy tức là cái phận sự thủy chung của người đàn bà đối với một người đàn ông, cái đức của người đàn bà chỉ trao thân cho một người đàn ông mà thôi.

2) Lúc tái ngộ, Kim Trọng cầu cầu chấp lại duyên xưa với Kiều, Kiều cự tuyệt viện lý rằng nàng không còn trinh nữa, thì Kim biện bác bênh vực hộ Kiều:

Xưa nay trong đạo đàn bà

Chữ Trinh kia cũng có bà bằng đường:

Có khi biến, có khi thường,

Có quyền, nào phải một đường chấp kính.

Như nàng lấy hiếu làm trinh,

Bụi nào chó đục được môi hấy tay?

Theo ý kiến của Kim Trọng thì phải phân biệt đức trinh của đàn bà trong những trường hợp thường và trong những trường hợp biến. Ở trường hợp thường thì có giữ được thân thể nguyên vẹn và một lòng thủy chung duy nhất để đem hiến cho người mình yêu và lấy làm chồng thì mới đáng gọi là Trinh. Nhưng ở trường hợp biến thì đức trinh phải có thể phát biểu theo một con đường khác, theo một cách khác. Chính Kiều đã ở vào một hoàn cảnh biến, và đức trinh của nàng bởi những biến cố của hoàn cảnh đã không thể nào phát biểu theo lối thông thường được. Kiều đã phải trọn giữa hiếu và trinh. Nếu nàng cố giữ trinh với Kim, không chịu bán mình thì cha nàng sẽ bị khổ hình. Trong sự lựa chọn giữa hai bên phận thiêng liêng ấy, Kiều đã đề hiếu thắng. (Ta tạm nhận rằng Kiều đã xử sáng suốt trong khi bán mình, vì đó là lòng tin của Kim Trọng) Hiếu là một bên phận lớn hơn bên phận trinh của một cô gái đối với vị hôn thê. Hi sinh trinh để giữ trọn hiếu, bởi không thể giữ vẹn được cả hai, như vậy có thể

coi Kiều là không thất trinh với Kim Trọng, vì trinh đã bị bao trùm bởi hiếu, đã lẫn ở trong hiếu rồi và trọn hiếu tức cũng là trọn trinh. Chỉ có khi nào không có cơ bất buộc gì chính đáng mà bội lời hẹn ước cũ thì mới là thất trinh mà thôi. Cho nên Kim Trọng cho rằng không bụi nào làm đục được mình Kiều. Tóm lại ở đây Kim tin rằng Kiều vẫn thủy chung với mình trong tâm hồn và cố biện bác che đỡ cho sự thất trinh về xác thịt của Kiều. Kim muốn hiểu chữ trinh theo nghĩa tinh thần và cho rằng cái trinh về xác thịt có thể hi sinh để làm trọn bên phận khác, miễn là tình yêu tinh thần vẫn kiên cố là toàn thể chữ trinh còn nguyên vẹn.

3) Theo lời khuyên ép của Kim và của Vương ông, Vương bà, Kiều nhận nhập chèn động phòng với Kim Trọng, nhưng đến canh khuya dưới đèn, nàng mới ngộ ý với Kim rằng nàng chiều ý chàng mà gọi là có « sống tùy may », chứ thực ra nàng tự hồ thẹn trăm chiều, không muốn làm vợ chàng nữa. Dầu muốn tỉnh nỗi của nhà về sau thì đã có Thúy Vân đó, cần chi phải ép nàng làm vợ:

Chữ Trinh còn một chút này,

Chẳng cầm cho vững, lại rầy cho tan!

Đến chỗ này các nhà học giả mới sồn sào. Kim Trọng yêu Thúy Kiều, đâu có nguyện để bênh vực nàng và đề vớt vát chữ trinh cho nàng, thì thái độ của chàng cũng dễ hiểu và có thể tha thứ được. Đến như chính ở miệng Kiều thốt ra câu: « *Chữ trinh còn một chút này* », thì thực đáng làm người ta sửng sốt.

Kiều muốn nói rằng nàng còn chút trinh về xác thịt ư? Ông Nguyễn can Mộng, khi chú thích truyện Kiều, cũng như mọi người có lương tri, đã viết: « *Kiều đã tự biết mình là giảng khuyết*

hoa tàn, còn tù hãm đầu nữa mà dám nói. » (Truyện Kiều — Nguyễn can Mộng hiệu đính và chú thích — Nhà in Viễn Đông 1936 — tr. 129).

Hay là Kiều muốn ngỏ rằng nàng « đã giữ trinh với Kim Trọng » trong tâm hồn? Ông Nguyễn bách Khoa trong cuốn *Nguyễn Du và truyện Kiều* cực lực phản đối ý tưởng ấy. Ông cho rằng Kiều chẳng giữ được trinh tiết tinh thần với Kim Trọng. Theo ý ông thì trong quãng đời bạc mệnh, Kiều « *mơ tưởng đến quãng sống thơ mộng xưa, đề hoài niệm một dĩ vãng đẹp* » thì không chắc là nàng chung tình với Kim, vì bất cứ ai cũng có mơ tưởng như thế được. Giả sử những lúc Kiều nghĩ đến tình xưa với Kim Trọng thì nào có nghĩ riêng đến một mình Kim đâu, nàng nghĩ đến nhiều người, nhiều nỗi: ở lầu Ngưng Bích nghĩ đến « người dưới nguyệt chén đồng » nhưng chỉ thoáng qua thôi, rồi lại nghĩ đến mình, đến cha mẹ; rồi có khi nghĩ đến Kim đề tự hỏi Kim đã lấy Vân chưa; rồi với thời gian, cái tình ái nồng nàn xưa đã được nàng gọi là « *chút nghĩa cũ càng* », thì tưởng nó cũng nhạt nhẽo lắm vậy. Ông Nguyễn bách Khoa kết luận: « *Ồi là chung tình! Ồi là trinh tiết trong tâm hồn!* Người như thế mà dám nói với chàng Kim những lời chí thiết cuối mùa: « *Chữ trinh còn một chút này, Chẳng cầm cho vững lại rầy cho tan* », thì thực là mỉa mai quá lắm, vô liêm sỉ quá lắm » (N. D. V. T. K. tr. 273).

Thấy lời nói của Kiều vô lý như vậy, nên có người tự hỏi: hay là người chép Kiều đã lầm? Ông Nguyễn can Mộng có ý ấy: « *Chữ trinh đây có lẽ là chữ tình. Hoặc là tam sao thất bản chăng?...* » Chữ tình thì có ý vị lắm. Kiều với Kim Trọng, tuy không phải tình vợ chồng nữa, nhưng còn một chút tình chi em (?). không nên dễ ghen tuông mà mất cả tình đi » (Sách kể nên).

Nhưng thực ra những lời bần học của ông Nguyễn bách Khoa hoặc mối nghi ngờ của ông Nguyễn can Mộng đều là quá đáng và lầm lẫn cả.

Cái trinh-tình lẫn của Kiều đối với Kim Trọng, nếu người ta muốn chứng minh rằng nó

không mất thì vẫn có đủ lý lẽ và chúng có trong đời Kiều khổ sở nhiều, có những phút rồi rã rời ở lầu Ngưng Bích thì nghĩ đến người tình cũ, và nghĩ lại đến cả cha mẹ không phải là một dấu hiệu của sự nhạt nhẽo. Việc chi bắt nàng rên là luôn luôn cái tan vỡ của một hạnh phúc đẹp mà chỉ rên là có cái tan vỡ ấy thôi? Nàng tự hỏi Kim đã lấy Vân chưa, phải đâu là đã kém yêu Kim Trọng! Mong cho người yêu sống sướng (nàng chớ rằng Kim lấy Vân sẽ an ủi được nỗi sầu không lấy được nàng), đó là nỗi yêu của những kẻ thất vọng. Còn như suy câu « Tiếc thay chút nghĩa cũ càng » mà bảo Kiều nhạt nhẽo với Kim, không chung tình như trước nữa thì thật là bất bẽ thiên lệch. Từ ngày biệt ly đã bao nhiêu năm! Đau khổ đã chồng chất lên nhau. Thời gian đã làm bớt đi các vết thương, dù ở lòng người nào cũng vậy. Thế mà còn thốt ra câu: « Dầu già ngó ý, còn vương tơ lòng », thì chẳng những không phải là bạc mà lại còn là tha thiết nữa vậy.

Nhưng chút tình tình thần ấy, dầu có hay không có, cũng không quan hệ gì. Vì trong câu « Chữ trinh còn một chút này », Kiều hiểu chữ trinh theo một nghĩa đặc biệt. Nàng vốn cho rằng khi lấy nhau, người đàn bà phải hiến người đàn ông một thân trong sạch:

*Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Pha thơm phơng rị, giăng vòng tròn gương!
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa ».*

Kiều quả quyết giữ trinh đối với Kim Trọng. Trinh đối với nàng là: nếu lấy Kim thì thân phải trong sạch, thân không trong sạch thì không lấy Kim, đó là một quyết định do lý trình đương nhiên mà suy ra. Nó là lý trình trong ở một phía khác. Nếu thân đã nhuốm mà còn nhận lấy Kim làm chồng thì chẳng hóa ra phản cái lý trình trên kia ư? Vậy muốn giữ trinh tất Kiều phải từ chối không nhận làm vợ Kim Trọng. Ông Đào Duy Anh đã thấu rõ nghĩa ấy khi ông viết: « Đối với Kim Trọng là người duy nhất nàng yêu mến kính thờ thì chỉ có cái thân băng tuyết mới

xứng đáng... ». Trinh của Thúy Kiều là trân trọng ái tình đối với Kim Trọng, tức cách đối với chàng phải khác hẳn cách đối với mọi người, nghĩa là không dám cho ai ngang hàng cái thân đã bị thiên hạ rầy rọ ». (Khảo luận về Kim Vân Kiều tr. 100).

Chữ trinh ở chỗ này chỉ có thể hiểu theo nghĩa ấy mà thôi. Tác giả cuốn *Nguyễn Du và truyện Kiều* đã vội vàng quá khi ông cho trình ở đây là trinh tình thần. Nếu đúng như Nguyễn quân tin thì Kiều lấy Kim Trọng, cái trinh ấy vẫn nguyên vẹn chứ sao lại « bị rầy cho tan »?

Xem đó thì Thúy Kiều bảo lòng trinh của nàng còn một chút thực là chính đáng. Nghi rằng người ta đã lầm chữ *trinh* là *chữ trinh* và giảng giải như ông Nguyễn can, cho rằng Kiều muốn giữ chút tình chỉ em đối với Kim Trọng và sợ lấy Kim thì xảy ra sự ghen tuông (với Thúy Vân), thì thực là giảm giá câu thơ và gán cho Kiều những ý nghĩ tầm thường và quê mùa quá đối.

ĐINH GIA TRINH

TRUNG DUNG

(mới xuất bản)

là một bộ sách, có thể nói, gồm hết cả cái tinh vi của triết lý Khổng giáo. Đọc

TRUNG DUNG

mà nhận xét cho kỹ, và theo cho đúng, thì dầu không thành được bậc thánh hiền đi ra cũng học được cái cách để làm người quân tử

TRUNG DUNG

là cái bùa hộ mệnh cho hết thảy mọi người đương bản khoán, ngờ ngác không biết hướng về một lý tưởng nào ở đời cho chắc.

TRUNG DUNG

nghĩa-lý rất uẩn, ý-từ rất siêu-việt, người mới học khó mà hiểu hết được nên ông Phan-Khoang (tác-giả cuốn *Trung Quốc Sử Luận*) ngoài việc dịch âm, dịch nghĩa lại còn nương theo lời chú của các tiền nho mà giảng giải cho thật rõ ràng.

(có in cả nguyên văn chữ Hán)

hạng giấy bản thường 2\$60 (cước 0\$47)

Thư và ngân phiếu gửi về

NHÀ IN MAI-LINH — HANOI

VUA MINH MẠNG

(1820 - 1840-)

vo'i máy móc và khoa học

NGUYỄN THIỆU LÃO

Dân ta ngày xưa không hiểu rõ khoa-học và máy móc như thế nào, đời sống chỉ dựa vào nghề làm ruộng và các nghề mọn, lấy nhân công làm gốc. Cách Nhà-nước đúc súng ống, đóng tàu bè cũng chỉ hơn cách thợ rèn, thợ mộc một chút mà thôi, lấy cái khéo thay khoa-học.

Sau này, đời sống của ta mà được tiến bộ là nhờ ở khoa-học, là nhờ ở phép « kỹ-nghệ-hóa » nền kinh-tế của ta.

Nhưng xét cho kỹ, các vua trước cũng đã biết chế ra máy-móc và cũng đã có một ý kiến về khoa-học !

Tôi mong là sẽ có một nhà sử-học khảo-cứu kỹ vấn-đề này để cho ta biết là về đời các vua triều Nguyễn chẳng hạn nước ta « hủ-lậu » hay đã « tiến-bộ » về đường khoa-học. Tiến-bộ như thế nào ?

Tôi theo một ít tài-liệu trích trong quyển Quốc triều chánh-biên luật-hiệu để cho ta tạm biết qua về vấn-đề này, thuộc đời vua Minh-Mạng.

« Năm Kỷ-hợi (1839), tháng tư, Ngài ngự chơi « cầu Bến-ngự, xem thi-nghiệm tàu chạy, máy hơi.

« Khi trước khiến Võ-khố chế-tạo. tàu ấy, đem « xe chở ra sông, giữa đường vỡ nồi nước, « máy không chạy, người đốc-công bị xiềng, « quan Bộ-công là Nguyễn trung Mậu, Ngô kim-« Lân vì cố tàu không thiệp đều bị bỏ ngục.

Bây giờ chế-tạo lại, các máy vận-động lanh, « thả xuống nước chạy mau, Ngài ban thưởng

« người Giám-đốc là Hoàng văn Lịch, Võ huy « Trinh mỗi người một cái nhẫn pha-lê độ vàng, « một đồng tiền vàng Phi-long hạng lớn. Đốc-« công và binh trạm đợc thưởng chung một « nghìn quan tiền.

Ngài truyền rằng : « Tàu này mua bên Tây cũng « được, nhưng muốn khiến cho công-trương nước « ta tập quen máy-móc cho khéo, vậy nên chẳng « kể lao phí gì.

Tháng mười, lại chế thêm một chiếc tàu máy « lớn, phí tổn hơn 11.000 quan tiền. Ngài truyền « bộ Hộ rằng : « Ta muốn công-trương nước ta « đều biết tập nghề máy-móc, vậy nên không kể « phí tổn ».

Theo hai tài-liệu trên đây, ta nhận thấy là vua Minh-mạng đã « muốn công-trương nước ta « đều biết tập nghề máy-móc » : các thợ công, ở Kinh, đã phải cố mà đóng được tàu « chạy máy hơi ».

Đóng theo cách nào ? Chắc là theo kiểu máy chiếc tàu máy mà vua Gia-long đã sai mua của người Pháp để đánh nhau với Tây-son. Cách bài chước đó chắc phải tài thời tàu mới chạy được, nhưng rõ không phải là kết-quả của trăm nghìn « công-nghệ máy-móc nhò hợp lại và nó có thể không có chút khoa-học gì cả. Chắc tương-tự cũng như lối các thợ rèn, thợ nguội bắt chước kiểu-mẫu mà làm ra những « xe đạp « ô-tô-hóa » trong thời buổi bây giờ.

Đục hai tàu máy như thế tỏ ra tinh bất chước, tài khéo, lòng tiến-tiến của người thợ Việt-nam và trí vua Minh-mạng muốn cho nước ta tiến-bộ về máy-móc.

Xét ra, việc đúc tàu máy khó nhưng không lạ bằng việc chế xe « Thủy-hỏa ký-tế ».

Sử cho ta biết là năm Giáp-ngọ (1834) tháng « ba, Ngải sai quan Hộ-thành binh-mã Phó-sứ là « Trương-Việt-Soán đến Hữu-trạch-Nguyên (một « nguồn suối thuộc tỉnh Thừa-thiên) chế ra xe « Thủy-hỏa ký-tế » (nước chảy làm cho máy « chạy, không cần dùng sức người) và chiếu theo « cách mới mà chế thuốc súng, hồng-phương, « hùng-phương, hộc-phương, mỗi thứ hai vạn « cân. Lại phái ty-viên các bộ, viện, Thị-vệ và lính « pháo-thủ đến đó thí-nghiệm ».

Cách mới chế thuốc súng như thế nào ?

Xe « thủy-hỏa ký-tế » rất lạ : có lẽ là một thứ máy giống như thứ turbine.

Biết dùng sức nước chảy ở chỗ thác houille blanche là biết dùng một thứ động-lực (force motrice, source d'énergie) tối-tân. Ai đã chỉ bảo cho vua Minh-mạng biết ? Hay chính Ngải đã có sáng-kiến ấy ? Máy chạy dùng để làm gì ? Có liên-lạc gì tới việc chế thuốc súng không ? (1)

Sau này, ta biết là xe « thủy-hỏa ký-tế » dùng để cưa gỗ (scierie mécanique).

Sử chép rằng : « Năm Đinh-dậu (1837) tháng « bảy, làm xe máy để dùng cưa ván. Lúc « trước dùng trâu kéo, sau dùng máy cưa chạy « bằng nước, đặt tại thác dài làng Dương-hóa « nơi Hữu-trạch-nguyên. »

Có lẽ chính vua Minh-mạng đã chế ra một thứ « thủy xa », tương tự như những máy bơm nước pompe aspirante et foulante). Nhưng chắc là Ngải đã theo một kiểu mẫu Thái-tây nào. Sử chép rằng : « Năm Giáp-ngọ (1834), tháng ba, « Ngải nói : « Ta nghĩ rằng trong cung dùng « nước, dài-dẽ rất phiền, nhân cho ra thủy xa, « tự đó đỡ sức-người nhiều lắm. Lâu nay những « chỗ nhà ở chật hẹp, mùa hè nhiều hỏa hoạn, ta « đã chế xe cứu-hỏa ; nếu đem ra, dùng thời

« sức người không khổ nhọc ; bao nhiêu mà lửa « cũng phải tắt » Bèn truyền đem thử thức xe « ấy cho quần-thần xem. » (Xét cứu-hỏa này) pompe d'incendie, cũng như xe thủy-xa ở trên là một thứ máy bơm : pompe aspirante et foulante.

* * *

Vậy vua Minh-mạng đã biết lợi-dụng sức hơi nước để cho chạy máy, sức nước chảy để làm máy cưa, Ngải lại chế ra máy bơm nước và đã biết cách mới chế thuốc súng (không biết cách này như thế nào). Ngải đã sức cho Võ-khố chế tạo ra hai tàu máy. Không ngại tốn phí, Ngải muốn cho thợ-công được tập nghề máy móc. Vậy Ngải không phải là một ông vua thủ cựu, Ngải đã có trí duy tân. Nhưng Ngải chưa hiểu rằng máy-móc là do khoa học mà ra, do kỹ-nghệ mà thành. Ngải đã chỉ theo vài kiểu mẫu có sẵn mà cho bắt trước. Sự bắt trước đó rất tãi và sở dĩ có kết-quả là do ở hoa tay của người thợ Việt-nam. Ta không có thể dựa vào đó mà nói là nước ta đã hiểu biết khoa-học và đã chế tạo ra được máy-móc như các nước Thái-tây. Dụng-cụ mà ta đã cần đến chắc là thô-thiển lắm.

Một chứng cớ là ta đã không khai được mỏ.

Sử chép rằng : « Năm Kỷ-hợi (1839) tháng « năm, Ngải truyền Hộ-bộ Tá-lý Phan thanh Giản « đi ra Ti-ái-nguyên khai mỏ bạc Tống-tĩnh (thuộc « phủ Thông-hoá). Nguyên khi trước Ngải xem « nhật-báo Tàu, thấy nói quan Tổng-dốc Trục-lệ « nước Tàu tên là Kỳ-tiến có nói : mỏ bạc Tống- « tỉnh nước ta rất vượng mà lại trưng thuế buôn « cho người Tàu lay mỗi năm được hơn 2 000. « 000 lạng bạc tốt đem lên về Tàu. Vậy nên Ngải « đã phái Nguyễn văn Chấn đến nơi khám xét « thời thấy công-việc làm cũng dễ. Bấy giờ Ngải « sai Giản đem Thị-vệ tới nơi thuê thợ đào lấy « Rồi bởi vì công-trình khó nhọc, lấy không được « mấy, lại bãi đi mà giao cho Khoáng-trưởng « lãnh trung. »

Vậy ta đã không biết cách khai mỏ bạc ở Tống-tĩnh như người Tàu cũng như không biết khai các mỏ đồng, mỏ kẽm, mỏ sắt ở nhiều nơi khác. Công việc giao cao ngời Tàu Triều-định chỉ đánh thuế mà thôi.

(1) Năm Bình-thân (1836), tháng giêng, Ngải khiến các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-ngĩa, Bình-định và Quảng-trị tu sửa xe thủy-hỏa ký-tế để dùng cưa gỗ. Vậy, xe này là một thứ máy giã (mélangeuse mécanique). Nhưng sau, sức nước chảy dùng để cưa gỗ (1837), như ta đã biết.

= CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN =

(Tiếp theo trang 7)

nền tảng nghệ-nghiệp chia ra tất cả 18. đoàn: Đồ ăn, Đồ dệt, Quần áo, Đồ gỗ, Kim khí, Ấn loát, Đồ giấy, Vận tải và công vụ, Khoáng sản, Ngân hàng và bảo hiểm, Nghề tự do, Canh nông, Đồ da, Đá và đất, Xây dựng, Tiểu công nghệ, Thương mại, Hóa chất. Mỗi đoàn lại có thể chia ra nhiều loại hay ngành chuyên nghiệp. Theo nền tảng địa dư chia ra thành những cơ quan hàng tỉnh, hàng huyện và hàng xã.

Chiến tuyến lao động có các chức vụ chủ yếu là mưu sự yên ổn xã hội, tìm điều kiện hòa giải các giai cấp vừa thích hợp với những nguyên tắc quốc xã. Muốn đạt được điều đó việc khẩn cấp ở đây cũng vẫn là việc giáo dục dân lao động theo tinh thần của chính đảng, cho nên những viên chức và những người cầm đầu của

« *Öc khoa học* » của vua Minh mạng như thế nào ?

Tài-liệu sau đây cho ta được rõ :

« Năm Giáp-ngọ (1834), tháng ba, Ngải bản chuyện với quần-thần về *phép chế-luyện Hóa* : « *thần*, nhân nói rằng : « ta ở trong cung, thường « lúc trước tiết đông-chí hạ-chí, cân đất và than « nặng nhẹ bằng nhau, nhân lấy đó thí-nghiệm « khi-hậu. Kịp đến tiết hạ-chí thời đất nặng mà « than nhẹ đến tiết đông-chí thời đất nhẹ, than « nặng. Là bởi vì đất thuộc âm, *Hạ-chí nhất âm* « *thanh*, thời đất nặng. Than thuộc dương, *đông-chí nhất dương sanh* thời than nặng. Âm « dương loài nào theo loài ấy, suy lẽ ấy ra thời « lý âm, dương lành dữ. cơ quán-tử, tiểu-nhân « bên nào thanh, bên nào suy cũng có thể biết được. »

Cân đất và than để thí-nghiệm khi-hậu là một cách mà ta khó hiểu. Bàn về âm, dương và bản về quán-tử, tiểu-nhân là bàn ngoài phép khoa-học vậy.

NGUYỄN THIẾU LÂU

Chiến tuyến phải được huấn luyện theo một qui mô riêng. Chiến tuyến lao động cũng mở mang những chế độ tiết kiệm và phòng xa xã hội, cũng là sự giáo dục và hướng dẫn về thực nghiệp.

Phụ thuộc với Chiến tuyến lao động người ta đã thiết lập một cơ quan gọi là « *Cường tráng bằng vui vẻ* » (*Kraft durch Freude*) tương tự như cơ quan *Dopolavoro* ở nước Ý, mục đích là tổ chức việc dùng những thì giờ nhàn rỗi của đám thợ thuyền-lao động.

Ngoài ra Chiến tuyến lao động cũng dự vào việc giám sát sự hoạt động cá nhân của chủ và thợ, và can thiệp vào sự tổ chức các cơ quan xã hội, chẳng hạn như sự tuyển lựa nhân viên của một *Hội đồng tín nhiệm* trong mỗi công sở nhỏ (cellule entreprise).

B. — Tổ chức một công-sở nhỏ

Đạo luật căn-bản ngày 20 Janvier 1934, gọi cái nguyên-tắc uy-quyền của thủ-lĩnh (1), nêu lên hai nguyên-tắc khác là nguyên-tắc kinh-dinh cộng đồng (principe de la communauté d'entreprise) và nguyên-tắc danh-dự xã-hội.

1) *Kinh-dinh cộng đồng*. — Kinh-dinh cộng đồng, « *tiểu-tổ của nền kinh-tế* », hợp nên do người doanh-chủ và nhân-viên trong sởng tức là thợ-thuyền và người làm công. Tất cả chủ và thợ đều là những *viên-chức* « cùng nhau làm việc theo những mục-dịch của kinh-dinh và cho mỗi ích chung của Quốc-gia và Chính-phủ ». Nghĩa là giữa mọi người không có sự phân-biệt về bản-chất. Duy về trật-tự, kỷ-luật có sự khác nhau. Viên doanh chủ là thủ-lĩnh chịu trách-nhiệm về cả kinh-dinh, có quyền quyết nghị trong đó và lại có những nghĩa-vụ xã-hội là trông nom đến sự an-lạc và đoàn-kết của thợ-thuyền. Viên thủ-lĩnh đó chủ tọa một hội - đồng gọi là « *Hội đồng tín-nhiệm* » gồm có một số thợ làm hội-viên gọi là

(1) Xem Thanh-Nghị số 78 — 12 Août 1944.

tín-nhiệm-viên, họ chỉ có quyền tư-vấn về những điều-kiện lao-động cũng như về việc phân-sẻ những sự bất hòa trong công-sự.

Tuy nhiên nếu được đa-số hội-đồng cũng có thể kháng-ngại những điều quyết-định của viên doanh-chủ trước những cơ-quan kiểm - soát cao cấp mà ta xét ở một đoạn sau.

Ở đây ta nên chú ý đến điều đặc biệt của chính sách quốc-xã cổ khác những nguyên-tắc của chính-sách nghiệp - đoàn ở đó chủ và người làm công-được hợp lại, ở ngoài công - sự, trong những cơ-quan có tính-cách thuộc công-pháp, và sự điều-dinh thỏa-thuận giữa họ được định-đoạt bằng những tập-đồng do đại-biểu của hai bên ký nhận; còn như ở Đức thì sự thỏa-thuận giữa chủ và thợ lại phải được định-đoạt chính ngay trong công-sự, nghĩa là ở nơi làm việc của hai bên.

2) *Danh-dự xã-hội*. — Những nghĩa-vụ về chức-nghiệp và xã-hội không có một pháp-điều nào ghi chép cả, nhưng đến do bổn-phận phải hoạt-động theo đúng tinh-thần quốc-xã mà ra, nếu làm trái lại tức là đã phạm tới danh-dự xã-hội. Pháp-luật chỉ ghi làm thí-dụ một bảng những tội về loại này: chủ tàn nhẫn với thợ hay lại, phạm vào tinh-thần cộng-đồng, khuấy rối sự yên ổn của công-sự...

Những tội trên đây do những ủy-viên lao-động đem xử trước những tòa-án danh-dự, cứ mỗi khu-vực kinh - tế có một tòa gồm có một viên quan tòa chính thức và hai viên bồi thẩm cùng làm một nghề với người bị-cáo: một viên doanh-chủ và một tín-nhiệm-viên. Tội-nhân có thể kháng án lên tòa án danh-dự Đế-quốc ở Berlin, gồm có hai viên-chức tư - pháp cao cấp và ba viên bồi-thẩm: một doanh-chủ, một tín-nhiệm-viên và một người của Chính-phủ cử ra.

Ngoài ra những việc kiện - tụng thường giữa chủ và người làm công đã có những tòa-án lao động phân xử.

C. — Những cơ-quan kiểm-soát

Ngoài sự kiểm-soát gián-tiếp của Chính-phủ do những người cầm đầu Chiến-tuyến lao-động lại

có sự kiểm-soát, trực-tiếp của Chính-phủ do những Ủy-viên lao-động và do tên Tổng-trưởng bộ Lao-động.

Nhiệm-vụ của ủy-viên lao-động là giúp nên-chức cho Chính-phủ tuyển lựa và ở dưới quyền viên Tổng-trưởng bộ Lao-động. Cái chức-vụ của họ là giữ gìn sự yên ổn về lao-động trong địa-hạt của họ. Họ chỉ can thiệp vào khi chủ và thợ không thể tự-ý thỏa-thuận được hoặc khi có sự xâm-phạm tới quyền-lợi tối cao của Quốc-gia. Muốn được vậy họ chờ đợi những hội-đồng tín-nhiệm, họ định đoạt trong việc thảo những qui ước lao-động, họ loan báo với Chính-phủ về sự tiến-b hóa của tình-bình chính-trị và xã-hội trong địa-hạt của họ. Để giúp việc họ, có những Hội-đồng chuyên-môn tư-vấn mà ba phần tư nhân-viên do Chiến-tuyến lao-động đề-cử, còn một phần chính do ủy-viên lao-động lựa chọn lấy.

Sự thực thì chức-vụ của ủy-viên lao-động phải giảm bớt đi dần dần khi mà nền tổ-chức xã-hội mới vận-động mỗi ngày một hoàn-thiện hơn lên. Và lại ở trên những viên-chức đó còn có uy quyền của viên Tổng-trưởng bộ Lao-động mà trên viên này là uy-quyền tuyệt-đối của Quốc-trưởng.

Chúng quy trong sự tổ-chức xã-hội ở Đức ta vẫn thấy rõ cái ý muốn của Chính-phủ quốc-xã là làm tiêu-diệt cái-tinh-thần, mœurs và tự-do và thay vào đó bằng tinh-thần của chính-đảng. Cũng như ở Nghiệp-đoàn thực-phẩm, sự tổ-chức lao-động cũng có khuynh - hướng thiết-lập một công-vụ trong đó chủ và thợ chỉ là những công-chức làm việc cho Quốc-gia. Tuy nhiên ta nên chú ý rằng sự can-thiệp của Chính-phủ nếu đã được triệt-đề đối với thợ-huynh thì hình như đối với bọn chủ-nhân nó vẫn còn có sự buông thả, nhân-tượng vì phần đông họ vẫn còn ở ngoài Chiến-tuyến lao-động được (1). Sự tự-do tương-đối của các doanh-chủ đó lại càng thấy rõ hơn trong sự tổ - chức kinh - tế mà ta xét đến trong phần thứ ba.

(Còn nữa)

ĐỖ ĐỨC DỤC

(1) Theo Ô. H. Laufenburger trong cuốn *L'Economie allemande à l'épreuve de la guerre* — 1940

VONG NGO PHONG

NGUYEN TUAN

(Tiếp theo)

Một thiên « tỳ bử » lại căng nảo nhâm

Cánh tay trái tôi rớt xuống. Tôi nghĩ đến một người đàn bà, rồi tôi nghĩ đến cái tôi gần đây của sân khấu và nhớ lại tất cả những người đàn bà đã qua — kể cả đàn bà trên sân khấu rap kể cả đàn bà trong đám người dự đến sân khấu.

Bà Cửa Đại rộn sóng khuya rớt vào ngời tôi như một thứ rượu mạnh. Có cái công dụng xáo lộn lên những tầng lớp cảm tưởng và kỷ niệm đã tưởng được yên nghỉ chỗ d'ý lòng. Người tôi trở nên một cái bình pha lê đựng một khối nước đã hết trong lặng. Ở đây, đang vẫn lên những chân râu và tằm bọt của ngày xa khuấy. Trên cát khô, tôi liền trở về với hình dáng mảnh dẻ của chiếc thuyền xứ Huế. Tôi trong tư con sông Hương — một thứ sông không có sóng, nhưng trảy chuyển chỗ những con sóng của lòng người dờ chơi trên mặt nước nó. Ra tôi vẫn không quên được, tỉnh Huế. Cổ T. Nam Phổ thế mà là một người có tài đọc trước được lòng người. « Tôi e rằng chuyển rí ông không ghét được Hu' nữa. » Trong đêm lẻ bạn ở Cửa Đại động dề, bằng tưởng nhớ không cưỡng được, tôi đã về vào không gian trước mặt cái giáng điệu khiêu khích của Cổ T. Nam Phổ. lúc đó nói với tôi câu ấy trong một khoang thuyền lá lay ngời đèn dầu phụng và mặt sông đã thừa những tiếng thuyền rao bán thực phẩm.

Bà dứt chan sông, lúc đó hột hoa xúông, lại
đội lên như vàng hương một hồi trống tưởng cô.
Cô Tư Nam Phô là một đào hát bộ mà cuộc sống
đã ghép vào đoạn đời làm kịch của tôi ở Huế gần
đây âm ảnh. Nhưng vòng lẩn quẩn của mìn
trong đời quay gập rút lên mục tuần hoàn mọi
lúc. Tôi vu g đứng dậy, tôi giữ cái bãi cát chỉ tôi
cô gây cho tôi nỗi khổ chịu. Tôi bề giữ tôi nghĩ
đến một việc gì nên làm ngay đi kéo lại muộn trễ

mất. Làm gì? Có làm gì ngay được lúc này nữa nếu không là mình làm khổ mình. Trời, giá việc giao thông trời này không bị ngăn cản vì giao động của chuyện binh lửa thế giới, giá việc dài tải còn được dễ dàng chóng vánh như ngày trước thì tôi đã hiểu ngay là tôi phải vụt lên phố Hội An, thuê một chuyến xe hơi đi tuột ra Cửa Hàn rồi từ đây qua đèo Hải Vân phóng ra Huế và lúc bỏ xe thì lại xuống một cái đò đang đậu sẵn trên sông đêm. Tôi đã làm chủ đến đời ai và ai đã phá phách sự đời của tôi mà cái đêm ngu ở bẽ phải rất, ả đến nhường này! « Đi xem tuồng, mà không chịu mớ đào hát nhà ngòi ở nhà cầm kéo cái hoa đèn bắc đầu, sự thê đêm còn cổ ngựa lý hơn.» Chính người bạn nói với tôi câu này, đã đẩy tôi vào cái đoạn khổ này. Giá ông có ở gần đây, thì tôi đã dám đến thẳng nhà ông để báo thù lại bằng cách phá gác ngủ ngon của ông.

Mặt cắt sáng hơn cái trần sao, cao của một trời đêm dầm hơi nước. Những bóng đen thu gọn, chắt lọc lướt qua đều có đường viền gãy gọn như ở cạnh góc một phòng cánh cửa kỹ vắng âm u và mình không dứt nổi. Tôi dầm trên bãi, thấy cái là một sự vương lộn. Hóm dẫu đi bề Cửa Đại, đặt chân lên bãi phẳng là một nổi suog suong nhẹ nhõm hoàn toàn kia. Có đâu thế này.

Tôi trở về quán trọ, châm ngọn đèn dầu, nhia vào cái lạnh vắng của một ngôi hàng nghèo nàh lộng gió hồ. Dàn gió gầy rẹp qua rừng thông bãi càng mạt mạnh thêm cao cuộc sống nghèo nơi quầ. Soạn lập giường chên, tôi đứng phải một vật cứng bật ra khỏi chiếc gối mây. Ầ, một cuốn sách chữ Pháp. Không cần phải ăm xem thêm dưới đèn mà tôi cũng biết ngay rằng đây là quyển Đạo Đức Kinh của Đức Khổng Tử. Tôi lật mở ra, và đọc. Đọc xong, tôi vẫn chưa hiểu quá được mười hàng đầu.

của bài tựa. Người bạn đồng hành — cuốn sách thơ quý — theo tôi xuống bờ đề cứ nằm đi dưới gối. Tôi cầm cuốn sách, lòng thấy mình đang rỏ rúng mình, nhưng không làm thế nào được. Giá có ai đứng bên cạnh tôi tôi cho luôn, mặc dầu tập thơ ấy — đã đóng lại toàn đa quý, gáy cạnh mạ vàng, mặt thêu những đường leo lộng lẫy vàng — là một vật rất hiếm trong thời khan sản phẩm văn học như bây giờ. Vứt đi thì không nỡ, nhưng giữ lại thì cũng tội. Tôi biết rằng còn soi, tôi mới trở về với sách được. Phải, khi mà hình ảnh cô Tư Nam Phố đã bừng dậy trong người tôi thì sách vở nào đã lọt được vào. Tâm óc tôi, người đàn bà ấy đã choán hết chỗ rồi; chữ nghĩa còn lặn vào đâu được nữa. Và Trời hãy thương mà tha thứ cho tôi, cái ngày mà tôi không còn tin tưởng tí gì ở sách nữa. Bởi cái lẽ rằng người hiền có tài thì đã khuất mà cái người con hát có tình thì vẫn ở ngay cuộc sống này cứ như sờ sờ trước mắt.

Vào lúc nhặt nhèo này của một tám trang dư đặt tình cảm không tìm lại được chốn gối, có lẽ chỉ có sông bạc là làm cho tôi đứng sức dùng trí cho được thỏa đáng thôi. Vì bãi bể này, nhà đương chức lại cho trưng câu lạc bộ đồ đạc thì người chủ sông hãy coi chừng. Đánh gấp thiếc mãi, kỳ cho tận sông mới chịu thôi. Tiền của một kẻ đang giận đời và nhớ tình độc lắm và tình lắm, mất ở đâu kia chứ mất thế nào được ở sông. Và giá có mất hết, thì chơi bằng người.

Gió hạ nổi trên bãi thông vào khoảng canh tư đã có cái sức lạnh, gây nổi sự rùng mình và đem tôi trở về Bắc — cái xứ Bắc có thượng-du, có những sông bạc tản mát trong thung lũng các tỉnh đường ngược hiu hắt từ buổi chưa sang thu. Cảnh sông bạc và cái nhân loại đắm đuối của nó hiện dần mãi lên và gọi lại những tiếng bạc nóng mặt, những tiếng bạc lạnh gáy. những tiếng bạc bắn mồ hôi.

Bên ngọn đèn quán ngủ, tôi ngồi như chờ một người nào hẹn đến mà quá chậm. Mồ hôi vã trên trán mồi. Như một luồng gió núi xứ Bắc, gió bể thổi se cả mình tôi. Ra không phải chỉ

một đêm nay thôi mà đã có nhiều đêm, tôi ngồi như thế này chờ một người không chịu đến. Tôi bèn soạn giấy bút, viết mấy bức thư. Có một bức viết về Bắc, định gửi cho một chị bạn, nhưng sau tôi lại giữ lại vì cái lẽ dẫn đi là rất đột ngột, tôi thấy mất cái hứng đề tên bạn cũ vào mặt bì thư. Lúc cất thư đi, tôi lại còn tìm ra được một lẽ này nữa: là giải cái tâm sự mình với người của cuộc đời thực tại, không bao giờ bằng gửi nó vào miệng những người trong truyện viết của mình; những con người trong tác phẩm văn chương bao giờ cũng tha thiết hơn, thành thật hơn, quý yêu mình hơn, phong phú hơn và thân mật hơn là hết thấy những người thân, miễn ở cuộc đời ngoài nghệ thuật, và thứ nhất là biết trung thành với mình, trung thành đến nỗi gửi cả sinh mệnh vào tay mình. Đây là những dòng thư ấy:

« Chị Giang,

« Tôi cố tình không tìm chị để gửi một lời « chào, trước khi rời Hà nội. Vì gần đây « tôi thấy chị xấu đi nhiều lắm rồi. Tôi « không muốn gặp lại, sợ có điều không « hay cho việc giao hữu.

« Tôi còn nhớ một đêm mưa gặp lại chị « ở nhà bà Trần. Ấy là một đêm mưa chấm « hết cho mùa xuân. Bà Trần pha trà, bĩ « Lê soạn mứt ra đĩa, rồi cùng quay lại « để nói nốt với chị và tôi về cái tình khắc « khổ trái lý của mấy cô giáo đưa các trò « em ra nghỉ mát ở bãi bể. Ngoài trời vẫn « mưa, chừng như mau hết hơn trước « Chị có vẻ nghe mưa hơn là nghe chuyện « Bà Trần tưởng chị không ưa cái đề « chuyện khó khăn đó, bèn đổi ra chuyện « văn thơ và đã động đến thi pháp của Sáu « Quyên phu nhân. Chị đứng dậy, vội đi. « Không ai hiểu ra sao. Nửa tháng sau, vì « một sự tình cờ, tôi mới hiểu rằng hóm « đó chị đã được hơn hai nghìn bạc. Chị « đã thừa một đêm mưa nặng hạt, cho chõ « bao nhiêu sức vải phin lên những cái xe « tay kín mít áo tơi cánh gà, đưa xuống

« Ap cho một người đã ăn giá hàng chợ đen
 « với chị. Chuyện này, rồi sau bà Trần cũng
 « biết. Đó là chỗ tôi buồn và xé xé nhất
 « bởi vì muốn gì đi nữa thì chị cũng là một
 « người bạn thân, thân đến nỗi chỉ còn
 « thiếu một chút nữa thì đã làm bạn với
 « nhau rồi. Chị hãy nghe bà Trần nói về
 « chị: «Cười nhất là trước kia, hề thấy
 « mưa là chị Giang chị ấy cứ buồn dùm cả
 « người lại, tưởng chết ngay được dưới
 « cuốn sách mở. Ai ngờ bây giờ mưa
 « không là của riêng của từ thơ nữa mà
 « mưa lại ra tiền.»

« Nay nghĩ lại chuyện đó, không những
 « tôi không giận mà lại còn thương chị
 « nữa. Sống giờ khốn lắm. Phải nhanh
 « lắm. Và khéo lắm. Chị không thể thoát
 « ra luật lệ của đời thực tế và những thói
 « tục của thời đại. Sự vất vả, rầy rầy lại
 « do từ cuộc đời bên ngoài đưa vào. Chị
 « sức vóc được mấy? Tôi chỉ ngại một
 « điều là chuyện này lộn về Hà-Nội, tôi
 « chưa thấy chị giàu mà đã thấy chị già»

« Từ vào mạn trong này, tôi đã thấy
 « có nhiều ỹ gở chương lắm rồi. Lúc lúc
 « tôi tưởng giá kể cầm bút được phép
 « cầm đến con chó lửa chẳng hạn, thì tôi
 « không đến nỗi chỉ kết quả có riêng nhân
 « vật truyện rải rác ở bản thảo.

« Ở cuốn nhật ký của tôi, khoảng trước
 « hôm khởi hành từ Hà-Nội, tôi đọc lại,
 « tự lấy làm khoái trá về mấy câu gán
 « gán này: « Bao giờ thì người ta mới
 « dấu cơ tích trừ những văn phẩm Việt
 « Ngữ.

« Nói ra, càng phiền bực thêm, chị Giang
 « ạ. Làm ăn thì lương thiện, mà phải sinh
 « hoạt theo cái mục chợ đen. Thị trường
 « Văn Chương có bao giờ mà khỏi là một
 « cái chợ trắng. Nghĩ xưa, cái dấu hiệu
 « của kẻ sĩ là vải trắng ở nơi học sức.
 « Bây giờ có lẽ rồi đến bắt chước Nê
 « Hành cả.

« Tôi viết về cho chị, ở một bãi bãi vắng
 « người, cá là ngọc, gạo là hạt châu, cái
 « là quý! Cái còn có gió và sóng là chưa
 « phai đảng đất thời. Tôi còn an ủi
 « được ntnh chút ít đó, nhưng thực ra,
 « nằm chơi ở bãi hoang này, tôi cũng đang
 « phải tiêu cho cái sống giờ Cửa Đại đây
 « vô khối là chắt chiu trong người mình. Chị
 « có gặp lại tôi lúc này ở bãi chị không thể
 « nào nhận ra được tôi đâu. Người tôi là
 « một sự hốt hoảng. Và tôi cũng đánh liều
 « với cái bản năng tôi đó.

« Để rồi tôi sẽ có dịp nói chuyện với chị
 « về người đàn bà đó. Nó phiền như một
 « cái truyện dài của một ngôi bút giỏi.

« Trong lúc chờ, chị hay gắng mà vui
 « tươi. Và nếu biết rằng phải chống gì
 « thì mới có cơ chống gậy được, thì chị
 « hãy nghĩ đi một độ. Đợi tôi về hãy hay.
 « Cũng chả lâu đâu. Nếu lâu, thì tức là
 « không về, là hỏng rồi.

Kính thư.

(ký tên)

(Con nữa)

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH-TIM

KHÔNG PHAI MÀU — KHÔNG CẠN

CÓ BÁN TẠI CÁC HÀNG SÁCH. Bán buôn
 theo giá Hội Đồng Hòa Giá ấn định

DO VAN THIỀU

68 — 11, rue de la Foch

Vinh, Boite post. n° 11

F I Z U E

XIN LƯU Ý — Chúng tôi tạm lánh ra ngoài
 thành phố. Bàn giấy trước số 94, đã dọn
 lại số nhà 68 cùng phố. Giờ mở cửa:
 8 giờ 30 — 10 giờ 30 và 16 giờ 30 — 17 giờ 30

== NGHE GOM ==

VỚI HAI ÔNG TRẦN VĂN ĐỨC VÀ NGÔ TRỌNG TUYNH

AI MỸ

Tại hội-quán Khai-trí, ngày 17 Aout vừa qua, ban trị-sự Farta mới tổ-chức một cuộc trưng bày đồ gốm do hai ông Trần văn Đức và Ngô trọng Tuyền sáng chế. Cả hai ông đều tốt nghiệp ban nghề gốm ở trường Mỹ-nghệ Đông-dương.

« Mục đích chúng tôi — hai ông nói — đem trưng bày những hàng gốm đó là để cho công chúng thấy những kết quả sự tìm tòi của chúng tôi. Chúng tôi không có lò để nung, phải đi thuê ở Bát-tràng và đã gặp nhiều nỗi phiền phức cản trở... ». Mặc dầu những trở lực, kết quả đã rực rỡ và bất ngờ. Bất ngờ vì từ hàng gốm ngầy ngò, đồ đại sản xuất ngày nay ở Bát-tràng đến những mỹ phẩm do tài học hai ông sáng chế, người ta không nhận thấy cái giây nối tiếp đưa đến sự tiến bộ đột ngột. Từ vô ý thức mỹ-thuật, đột nhiên đến dụng ý mỹ thuật, thận trọng, sành sỏi đã rõ ràng trên mỗi sản-phẩm, ở giáng giấp, ở màu sắc, ở cách lựa men.

Trong mấy chục chiếc lọ hoa trưng bày, không một chiếc nào giống nhau, cả về hình lẫn sắc và men. Trên mỗi chiếc, các ông khéo ghép cạnh nhau mặt mờ của đất nung với ánh sáng của men bóng, lại điểm thêm vào hai bề chất ấy những nét vẽ bình dị : mấy đường thẳng ngang dọc, vài cánh hoa sơ sãi, hay những giọt men đang chảy giòng giòng bị đọng ú lại. Những nét vẽ có chỗ khắc sâu vào nền, có chỗ lại nổi gồ lên. Vật liệu bề chất tuy đơn giản, vậy mà nhờ sự khéo soay sở, khéo lợi dụng, các ông đã tạo ra những mỹ phẩm phong phú, dỏm giáng vừa chừng, vừa độ. Cái chất sành nhuộm các màu nâu ấy, ở trong tay hai ông đã biến thành những bề vật lịch sự, cao quý.

Điều đáng khuyến khích, đáng chú ý nhất trong cuộc triển lãm này là tác-giả đã dùng toàn nguyên liệu của xứ nhà để chế những mẫu men mới lạ,

Một điều mà từ lâu, có mấy ai nghĩ đến, kể cả những người Tàu là người giữ một địa vị to nhất trên thị trường tiêu thụ đồ gốm ở xứ này. Theo giáo-sư Bùi tường Viên, người đã đào tạo ra hai ông Đức và Tuyền, nước ta có đủ nguyên liệu để làm đồ gốm, không những đồ sành mà cả đồ sứ nữa. Muốn áp dụng những nguyên liệu ấy vào nghề, phải tổ chức lại nghề theo một quy củ khoa học : phân chất, thí nghiệm, làm bản thống kê những tính cách từng nguyên liệu để biết dùng phải đường và chắc chắn. Điều mà giáo sư Viên đã dạy học trò, đã thi hành ở phòng thí nghiệm của ông tại trường Mỹ-nghệ.

Ta càng thấy công việc ấy là cần khi nghĩ đến cách làm ăn cầu thả không phương pháp của người mình. Những đồ Bát tràng cổ chẳng hạn — mà di tích đến giờ còn rất ít như bộ đèn nến ở viện Bảo tàng Finot hay mấy cái bát hương bằng sành mà một vài nhà còn giữ được, những đồ ấy có một vẻ gì Việt nam đặc biệt. Ở màu sắc mộc mạc, ở những nét trang sức thanh đạm chẳng ? Hay ở cái thể chất biết luyện biết nung một cách gì ? Hay bởi nước men nhũn nhặn chế theo một nguyên tắc nào ? Những đồ ấy, ngay ở Bát tràng không còn làm nữa, hay nói cho đúng, không thể làm được nữa. Thay vào đấy, họ vớt ra thị trường một thứ sản phẩm loè loẹt, đầy nhố nhăng, trông như phất giấy đan lông, có khi lại hàng mã hơn cả những đồ hàng mã. Trông ngay cái men dạn ở Bát tràng cổ, sao nó tinh mật thế ; còn ở trên những sản phẩm Bát tràng bây giờ, nó tro tro, đậm sít như mực tàu, những đường dạn như bôi bằng tay vụng dại. Lại nữa là bởi ngay mấy nhà chuyên nghiệp đồ gốm ở Bát tràng hết đời ấy đến đời khác, đã tự bao đời, họ cũng chịu không biết gì về những bí thuật làm đồ cổ nói trên.

Chúng quy chỉ vì theo nếp một cách vụ vơ rồ, đồ thất lạc mất cả những khoẻ hay của nghề. Người thợ dần dần mất tay khéo. Và, ngày nay, chính hai ông Đức, Tuynh muốn tìm người để giúp việc một cách đứng đắn cũng không có.

Chúng tôi mong những cuộc triển-lãm như thế này tổ chức ngay ở những nơi thô-sản đồ gốm như Bát-tràng, để nhà nghề thấy giá trị nguyên-liệu của xứ mình và biết sức mình có thể đi xa đến đâu nữa.

Sự hoan nghênh của công chúng đối với mỹ-phẩm của hai ông, không phải vì trường hợp hiện thời, cái giá trị của nó không phải là giá-trị một thể-phẩm, hết chiến-tranh lại phải nhường chỗ cho hàng ngoại-quốc.

Tôi đã thấy vài tác-phẩm của hai ông bày trong tủ kính nhà G. M. R. ngay cạnh những hàng Nhật cùng thứ, lẫn lộn như cùng một phẩm-giá, và trang trọng chẳng kém gì nhau.

ÁI MỸ

MUA ĐỔI BẢO

« Cần mua lại số 33 với giá đắt. Xin viết cho M. TRẦN QUANG TUYẾT, Le Courrier d'Haiphong ».

— Ô. Mặc Phong cô Ngọc Đăng — 47 hàng Bát, Sơn-tây — thừa số 16, muốn đổi hay mua giá cao lấy số 15.

HỘP THƯ

— Ô. Hoàng Nguyễn, Lê-Blaio Chúng tôi đã nhận được bưu phiến 10\$ và đã gửi bù số báo 75 bị thất lạc.

— Ô. Thái văn Lượng — Huế. Mấy số báo ông hỏi đều hết cả.

— Ô. Lê văn Phúc Hương Điền. Những số báo cũ ông hỏi đều không còn.

— Ô. Võ thành Số — Quinhon — Thanh Nghị từ số một đến giờ không còn đủ bộ. Còn một vài số không được liên tiếp.

Bạn nào ở Phủ Lý gửi cho 6. Đình gia Trinh một bài thơ năm 8 câu, ngày 22 Juillet 1944, xin cho biết tình danh và địa chỉ.

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— Kinh dịch I của Ngô tất Tố do nhà Mai Lĩnh xuất bản

— Văn minh sử yếu lược của Nguyễn bách Khoa do Hàn Thuyên xuất bản

— Hồi chuông thiên mục của Phan trần Trúc và Cờn rồng ngủ, Con ruồi cánh gấm (loại trẻ em) do Đồi mới xuất bản

— Truyền rừng xanh của Phạm xuân Độ phỏng dịch do thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản

— Sức sống của dân Việt Nam của Đặng ngọc Tót, Dương đức Hiền và Nguyễn đình Thi do Lửa Hồng xuất bản

— Hận nam quan, kịch thơ của Hoàng Cầm và Đồng tiền hai mặt của Nguyễn khắc Mẫn do Người Bồn Phương xuất bản

— Hai bà Trưng khởi nghĩa của Nguyễn to Mỹ biên khảo do Hàn Thuyên xuất bản.

Xin cảm tạ các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng bạn đọc

Còn rất ít

HẠT DAM NGHE TINH

do tác giả Việt Nam Cổ văn Học sử, NGUYEN ĐỒNG CHI khảo cứu

Một lối văn rất xưa chưa được ai biết ! — Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng ! — Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ ! — Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang — bìa đẹp — Giá 8\$00

Đã NHỮNG SỰ GẬP GỖ CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG Giáo sư có bán : TRONG NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG VỀ BỊ LIÊU

Ở Hanoi sách để bán tại : Nhà xuất bản TAN VIET — 29 Lamblot 29 — HANOI

Mộng-Son, Văn-học và triết-luận (Đại-Học) Khái-Hùng, cái Ve (Đời-Này)

Lần đầu tiên, chúng ta được gặp một nhà phê-bình dân bả thì ấy lại là một nhà phê-bình chiến-sĩ. Cũng như các ông trong nhóm Hàn-Thuyên Văn-Mới, bà Mộng-Son cực lực bênh chình kiến của mình. Bà tư tưởng toàn bằng thành kiến.

Vốn duy vật, bà hết sức tin tưởng rằng nhân loại tiến hóa không ngừng, rằng khoa-học sẽ là lẽ sống sau này của người đời. Bà có cao-vọng đem ứng dụng phương pháp khoa-học vào phê-bình văn-chương, cho nên bà ghét ông Hồ Dzếnh vì «đọc ông, ta cảm thấy tiếng ca hát của văn-minh tinh-thần, thứ văn-minh chống lại máy móc ...», bà yêu cầu Đạm Phương nữ-sĩ đừng có tin ở khoa-học ngày nay, phải đợi khoa-học của xã-hội tương lai»

«Cuộc sinh hoạt tinh thần chỉ là phản-ảnh cuộc sinh hoạt vật chất», vậy «mỗi khi xét việc, phải có óc thống quan, nhìn suốt cả toàn cảnh của xã-hội ...» và mỗi khi gặp một thiên-lai thì phải nhân kỹ xem cái hoàn cảnh nào đã cấu thành ra nó ...»

Lập-luận như thế, thì công việc đầu tiên của các nhà phê-bình là phải định nghĩa xã-hội trong đó văn nhân đang sống. Nếu có đủ xa-xăm để mà phân-đoán thì cũng chẳng khó gì, nhất là lại có sẵn các thời kỳ lịch sử của châu Âu để mà so sánh. Thế mà ô. Nguyễn Bách Khoa bả tới Nguyễn Du và Nguyễn công Trứ cũng còn những nhời-quả quyết không đầu, rồi ép-đồng sự kiện vốn theo lý-luận riêng. Huống chi là đem phân-hạng cái xã-hội đương thời này. Cho nên bà Mộng Sơn tránh cái kho khăn đỏ. Học Văn học và triết luận, ta cảm-giác rằng bao nhiêu nhà văn bà Mộng Sơn nội tới, từ Sở Cường cho đến Huy Cận quả Vũ trọng Phụng, Hồ Dzếnh, Anh-lê, nhóm Xuân Thu, đều là quái thai của thời-đại, tư-tưởng còn những rầy rầy của nền kinh-tế tự ngày xưa ngày nay.

«Huy Cận ô. Ông cô hủ quá chừng! Ông sống lùi lại hàng mấy chục thế-kỷ sau, chúng tôi là những kẻ đồng thời với ông.»

Một câu mắng ấy đủ làm các nhà văn phong-kiến thức dậy để mà ngẫm nghĩ.

Thế nhưng bảng vào sách của các nhà phê-bình chiến-sĩ để xuất bản, càng ngẫm nghĩ càng thấy rằng họ chưa

theo sát cách vận hành của họ. Kinh-tế đã chi phối xã-hội xã hội lại cấu tạo ra nhân-tài thì công việc đầu tiên của chúng ta là phải chia lịch sử ra từng thời kỳ kinh-tế: tự-nhiên, không tự-nhiên, tư bản, chủ-huy, cộng-sản v.v... Rồi trong mỗi thời kỳ ấy, ta vẽ ra một nhà văn khuôn mẫu trừu tượng. Nếu các định luật cấu tạo nhân-tài mà đúng ra thì ở thời đó phải có một nhà văn sống như thế này, nghĩ như thế này, viết như thế này. Cái việc cuối cùng và dễ-dang nhất chỉ cái là tìm các văn-sĩ lạc đàn để cố gắng xem tại làm sao họ lại đến nông nổi thế.

Cổ-nhiên là các nhà văn đều sẽ không đúng khuôn mẫu ta vẽ ra cả. Thế là không duy tâm mà ta lại phải duy tâm để phê-bình bài họ. Hay, vốn là chiến-sĩ hăng hái, mỗi bài phê-bình của ta bỗng thành một câu trách mắng. Rút cục nếu ta không sáng tạo, thì chỉ còn mỗi ta là khả-dĩ thành nhà văn khuôn mẫu mà thôi.

Cảm tưởng đó là cảm tưởng của tôi khi đọc bà Mộng Sơn. Nó đã làm cho tôi một sự thất vọng với ô. Khái Hùng. Ông vốn là một người kể chuyện nhỏ thật có duyên. Chuyện của ông viết ra chỉ cốt làm vui người đọc trong chốc lát, nên rí-ròm, nông nổi nhẹ nhàng. Văn đã dẫn đi, cốt chuyện lại chẳng lý kỳ. Có lúc là một chuyện vui, có lúc để chứng-minh một điều lý luận lý lẽ nhỏ. (Hai con mắt, Xanh cà bung), có lúc để ghi lại một chút cảm động (Biển, Cái Ve, Trăng thu ...). Khi ông có bao giờ ông tìm cái uất của lòng người, tâm lý của các nhân vật đều tầm thường, dẫu đi.

Ông đã làm trọn nhiệm vụ một nhà viết báo, cần phải làm vui độc giả trung bình. Chuyện nhỏ ấy chính là lời văn hợp với tài ông nhất. Thanh Đức, cuốn chuyện dài sau cùng của ông chẳng là một ít chuyện nhỏ theo sát thời sự là gì? Mà ngay cả Nửa chừng xuân nữa.

Ông sẽ mãi mãi là nhà văn của phái trung-lưu ở xứ này

L. H. V.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng tấm thân của mình mà thấu lấy cái khí hùng-vĩ của đoàn thể nó phối-hợp với những cái di truyền của tiền nhân cũng là những tiếng gọi của tương lai.

Việc quốc tế

TỪ 12 ĐẾN 19 AOUT 1944

Mặt trận Á Đông

— Ở Trung-Hoa, quân Trùng-Khánh tự Quế lâm phần-công đánh lên Hành-dương nhưng chưa có kết quả — Trên bán-đảo Lôi-châu, quân đội Nhật tấn công được thắng lợi — Đồng thời phi-cơ Nhật hoạt-động tại nhiều nơi: Tây-An, Hán-trung, Hoa-âm.

— Trên Thái bình-dương, không quân đồng-minh hoạt-động ở khắp các quần đảo Bonins, Mariannes Carolines, Marshall, Phi-luật-tân, Nam-dương. Trên đảo Guam, quân đội Nhật vẫn kháng chiến dữ dội.

Mặt trận Ý

Quân Đồng-minh đã chiếm được thành Florence nhưng quân Đức vẫn còn chiến-đấu ở vài khu.

Mặt trận Nga

Quân Nga do năm ngả đánh vào Đông-Phổ, nhưng quan Đức, sau khi giữ vững được thể trận, đã phản-công và được thắng lợi. Đức phải bỏ thành Osovetz trên đường xe lửa Bialystock — Koenisberg, nhưng lại lấy lại được tỉnh Bahssini-ai trên biên thủy Lithuanie — Đông-Phổ; và đánh lại được ít nhiều quân Nga ở chung quanh Vars-ovie.

Mặt trận Bắc Pháp

Tại Bắc-Pháp — Phía Bretagne quân Đồng-minh chiếm được Dinard và sau ba tuần lễ mới vào được Saint Malo. Quá phía Tây họ đang tiến đến Brest.

— Khu Argentan-Falaise, quân Anh Mỹ tự Nam Caen đánh xuống và tự Alençon đánh lên cố bao vây quân Đức mà chưa có kết quả.

— Tự Alençon họ lại đánh về phía Paris, chiếm được Dreux, và đang kịch chiến ở Chartres. Tính đến ngày 19 Aout, quân Mỹ chỉ còn cách kinh thành Paris có 40 cây số.

— Quá phía Nam, vùng sông Loire, những thành Saint Calais, Châteaudun, Orléans cũng thất-thủ.

Tại Nam-Pháp — Bắt đầu từ sáng sớm ngày 15 Aout quân Đồng-minh đã tiếp tục đổ bộ xuống nhiều nơi giữa khoảng từ Marseille đến Nice trên bờ Địa-trung-hải. Quân Đức chiến đấu hăng hái đã đánh lui được địch quân ở nhiều chỗ tuy nhiên địch-quân vẫn lập được nhiều đầu cầu nhất là quãng từ Bormes (ở phía Đông Toulon 40 cây số) đến Cannes ở phía Tây Nice. Sau khi chiếm các đảo Port-Cros Levant, quân Anh Mỹ trong lục-địa đã hạ được Saint Tropez, Cannes và đến ngày 19 Aout chỗ họ tiến sâu nhất vào nội địa là Draguignan cách bờ biển chừng 30 cây số.

B. B. D

ĐÃ CÓ BẢN : của NGUYỄN KHẮC MÃN

ĐỒNG TIỀN HAI MẶT

truyện thật rất cảm động một người không làm « chợ đen » chỉ có bốn hào mà cũng làm nên được bạc vạn **Giá 2\$50**

HẬN : AM QUAN

đoạn lịch sử lâm ly lúc hai cha con Nguyễn Trãi tư biệt nhau ở ải Nam Quan **Giá 1\$50**
IN GẦN XONG

LÒNG CHA

ngót 500 trang in làm hai quyển, tiểu thuyết gia đình giáo dục mà tất cả những người làm cha đều cần phải đọc.

CÒN MỘT ÍT

THƠ ; TRẺ THƠ của NG. ĐỨC CHÍNH
Giá mỗi quyển 1\$50

TARZAN NGƯỜI KHỈ của TỰ CƯỜNG
Giá 3\$25

NGƯỜI BỐN PHƯƠNG xuất bản

Giám-đốc : ĐỖ XUÂN GIỮNG

6, Đường Thành — Hà-nội — Giây/nói : 212

Sách mới

B. Đ. ÁI MỸ — TRINH THIÊN

Tình thơ'

Loại sách « Tuổi vàng »

Những nét tình đậm đà
trong những lời thơ mới mẻ

In toàn giấy tốt — Bìa cứng hai màu

Giá mỗi cuốn 2\$50

Bản quý có chữ ký tác giả 5\$00

Chỉ trừ bán tại nhà xuất bản

Qui-vị đặt mua xin viết thư cho :

Ô. BỬU ĐÀO

Nº 8, Rue Courbet Quinhon

ANH HOÀ

69, phố Hàng Than, HANOI

AO UT PHÁT HÀNH :

TRUONG CHI

Kịch thơ của **VŨ HOÀNG CHUÔNG**

Một truyện tình đẹp,

Những lời thơ đẹp

Trong một tập sách đẹp

In trên giấy thượng hạng

Bìa và bìa phụ bản của Thi-sĩ **ĐÌNH HƯNG**

VUC THAM

Đời một người còn gái

của **NGUYỄN HỒNG**

ĐÃ KHỞI CÔNG :

ĐÔNG CHU LIỆT QUỐC

SẮP CÓ BÁN

THO' MÂY NGÀN

*Bài 2 màu — Bìa 3 màu. In toàn giấy
đặc biệt do họa-sĩ **MẠNH-QUỲNH**
trình bày. Số in rất ít, nên đặt trước
tại các hiệu sách quen kéo, hết.*

CÒN RẤT ÍT

Việt Hoa Thôn Sứ Sứ Lược 5\$00
Khổng Tử Học Thuyết (I) 4, 50
Lịch-Sử Báo-Chí 2, 00
Nghệ-Thuật và Danh-Giáo 2, 50
Phụ-Nữ Việt-Nam 2, 50
Tân Hiếu Kinh 1, 20
Du-Thuyết Yếu-Thuật : 3, 80

QUỐC HỌC THU XÃ

ĐÃ CÓ BÁN :

THẦY « LANG »

Phóng sự dài của **TRỌNG LANG**

Trích lời giới thiệu của **VŨ NGỌC PHAN :**

*... Trong lúc các nhà y-học nước ta muốn
chấn hưng nghề thuốc của Đông-phương,
thiên phóng-sự « Thầy lang » ra đời thật
rất hợp. Chúng tôi chắc không sùng các
nhà y-học, mà ai ai cũng phải hoan
nghênh, vì nó còn là một bài cảnh cáo cho
các con bệnh biết mà coi*chùng nữa.*

Bản thường : 4\$00 — Bản quý : 25\$00

Cuối Juillet 1944 sẽ có bán :

XUÂN VÀ SINH của **THANH TỊNH**
HAI GIÒNG SỮA của **NGUYỄN HỒNG**

Nhà xuất bản **HÀN-MẶC**

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi về :

Ô. NGUYỄN NHƯ TÍCH

Số 26, phố Hàng Quạt Hanoi